

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4334~~/CT-CĐS

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

V/v Danh mục cơ quan thuế, cơ
quan thu, địa bàn thu và mã
Kho bạc nhà nước đáp ứng yêu
cầu triển khai mô hình chính
quyền địa phương hai cấp

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước;
- Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số;
- Thuế tỉnh/thành phố;
- Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn;
- Chi cục Thuế Thương mại điện tử;
- Các Ngân hàng thương mại; các đơn vị cung cấp dịch vụ T-VAN.

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 1982/QĐ-BTC ngày 30/5/2025 và Quyết định số 2229/QĐ-BTC ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế; Quyết định số 1376/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thuế tỉnh, thành phố thuộc Cục Thuế; Quyết định số 1377/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố; Quyết định số 1378/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục thuế quy định tên gọi, trụ sở, địa bàn quản lý của các Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 1380/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế Thương mại điện tử thuộc Cục Thuế; Quyết định số 1379/QĐ-CT ngày 30/6/2025 của Cục trưởng Cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn thuộc Cục Thuế; Công văn số 984/CN TT-TK ngày 01/7/2025 của Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số thuộc Bộ Tài chính về việc thông báo cập nhật, cấp mới mã cơ quan thu có thay đổi

Cục Thuế thông báo thông tin Cơ quan thuế, Cơ quan thu, địa bàn thu và Kho bạc nhà nước đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp

để các đơn vị thống nhất sử dụng trong công tác thực hiện phối hợp thu. Các thông tin danh mục bao gồm:

- Phụ lục I: Danh sách cơ quan Thuế, Kho bạc nhà nước, cơ quan thu, địa bàn thu đối với NNT do Thuế tỉnh/thành phố quản lý (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Lạng Sơn, Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử);

- Phụ lục II: Danh sách cơ quan Thuế, Kho bạc nhà nước, cơ quan thu, địa bàn thu đối với NNT do Thuế thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Lạng Sơn quản lý;

- Phụ lục III: Danh sách cơ quan Thuế, Kho bạc nhà nước, cơ quan thu, địa bàn thu đối với NNT do Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử quản lý;

- Phụ lục IV: Danh sách cơ quan Thuế, Kho bạc nhà nước, cơ quan thu, địa bàn thu đối với NNT do Thuế cơ sở quản lý (350 thuế cơ sở, 3321 cơ quan thu).

(Chi tiết tại QR code)



Cục Thuế thông báo để các đơn vị được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTrg Mai Xuân Thành (để b/c);
- Ban NVT (để t/h);
- Lưu: VT, CDS.

106



Mai Sơn

Phụ lục I
DANH SÁCH CƠ QUAN THUẾ, KHO BẠC NHÀ NƯỚC, CƠ QUAN THU, ĐỊA BÀN THU ĐỐI VỚI NNT DO THUẾ TỈNH/THÀNH PHỐ QUẢN LÝ
(TRỪ THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, TỈNH BẮC NINH, TỈNH LẠNG SƠN, CHI CỤC THUẾ DOANH NGHIỆP LỚN, CHI CỤC THUẾ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ)

(Ban hành kèm theo Công văn số 4334/CT-CDS ngày 10/10/2023 của Cục Thuế)

STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD			Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
		Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
		(3)	(4)	(5)		(7)	(8)	(9)	(10)
1					Cục Thuế	1056271	Cục Thuế	Toàn quốc	
2	08	Tỉnh Tuyên Quang	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Tân Trào, Xã Minh Thành, Xã Sơn Dương, Xã Bình Ca, Xã Tân Thanh, Xã Sơn Thủy, Xã Phú Lương, Xã Trường Sinh, Xã Hồng Sơn, Xã Đông Thọ, Phường Mỹ Lâm, Phường Minh Xuân, Phường Nông Tiến, Phường An Tường, Phường Bình Thuận, Xã Kiến Thiết, Xã Hùng Lợi, Xã Trung Sơn, Xã Thái Bình, Xã Tân Long, Xã Xuân Vân, Xã Lục Hánh, Xã Yên Sơn, Xã Nhữ Khê, Xã Trung Hà, Xã Tân Mỹ, Xã Yên Lập, Xã Tân An, Xã Chiêm Hóa, Xã Hòa An, Xã Kiên Đài, Xã Trì Phú, Xã Kim Bình, Xã Yên Nguyên, Xã Hùng Đức, Xã Yên Phú, Xã Bạch Xá, Xã Phú Lưu, Xã Hàm Yên, Xã Bình Xá, Xã Thái Sơn, Xã Thái Hòa, Xã Cồn Lôn, Xã Yên Hoa, Xã Thượng Nông, Xã Hồng Thái, Xã Nà Hang, Xã Thượng Lâm, Xã Lâm Bình, Xã Minh Dương, Xã Bình An	THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG	1055186	Thuế tỉnh Tuyên Quang 01	2461	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2
3	08	Tỉnh Tuyên Quang	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Ngọc Đường, Phường Hà Giang 1, Phường Hà Giang 2, Xã Yên Cường, Xã Đường Hồng, Xã Bắc Mè, Xã Giáp Trung, Xã Minh Sơn, Xã Minh Ngọc, Xã Lao Chải, Xã Thanh Thủy, Xã Minh Tân, Xã Thuận Hòa, Xã Tùng Bá, Xã Thông Nguyên, Xã Hồ Thầu, Xã Năm Dịch, Xã Tân Tiến, Xã Hoàng Su Phì, Xã Thàng Tín, Xã Ban Mây, Xã Pờ Ly Ngải, Xã Xin Mán, Xã Pà Vây Sủ, Xã Năm Dán, Xã Trung Thịnh, Xã Quảng Nguyên, Xã Phú Linh, Xã Linh Hồ, Xã Bạch Ngọc, Xã Vị Xuyên, Xã Việt Lâm, Xã Cao Bồ, Xã Thượng Sơn, Xã Tân Quang, Xã Đồng Tâm, Xã Liên Hiệp, Xã Bằng Hành, Xã Bắc Quang, Xã Hùng An, Xã Vĩnh Tuy, Xã Đồng Yên, Xã Tiên Yên, Xã Xuân Giang, Xã Bằng Lang, Xã Yên Thành, Xã Quang Bình, Xã Tân Trĩnh, Xã Tiên Nguyên, Xã Khuôn Lũng, Xã Lũng Cú, Xã Đồng Văn, Xã Sả Phìn, Xã Phố Bàng, Xã Lũng Phìn, Xã Lũng Tám, Xã Cán Tỷ, Xã Nghĩa Thuận, Xã Quán Bạ, Xã Tùng Vài, Xã Thằng Mỏ, Xã Bạch Đích, Xã Yên Minh, Xã Mậu Duệ, Xã Ngọc Long, Xã Du Già, Xã Đường Thượng, Xã Sùng Máng, Xã Sơn Vĩ, Xã Mèo Vạc, Xã Khâu Vai, Xã Niêm Sơn, Xã Tát Ngà	THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG	1055087	Thuế tỉnh Tuyên Quang 02	2461	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Nghiệp vụ 2
4	04	Tỉnh Cao Bằng	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Thục Phán, Phường Tân Giang, Phường Nùng Trí Cao, Xã Minh Khai, Xã Canh Tân, Xã Kim Đồng, Xã Thạch An, Xã Đông Khê, Xã Đức Long, Xã Quảng Lâm, Xã Nam Quang, Xã Lý Bôn, Xã Bảo Lâm, Xã Yên Thổ, Xã Sơn Lô, Xã Hùng Đạo, Xã Bảo Lạc, Xã Cốc Pàng, Xã Cô Ba, Xã Khánh Xuân, Xã Xuân Trường, Xã Huy Giáp, Xã Quang Hán, Xã Trà Lĩnh, Xã Quang Trung, Xã Đoài Dương, Xã Trung Khánh, Xã Đàm Thủy, Xã Đình Phong, Xã Hạ Lang, Xã Lý Quốc, Xã Vĩnh Quý, Xã Quang Long, Xã Phúc Hòa, Xã Bể Ván Dàn, Xã Độc Lập, Xã Quảng Yên, Xã Hạnh Phúc, Xã Nam Tuấn, Xã Hòa An, Xã Bạch Đẳng, Xã Nguyễn Huệ, Xã Thanh Long, Xã Cản Yên, Xã Thông Nông, Xã Trường Hà, Xã Hà Quảng, Xã Lũng Nậm, Xã Tòng Cọt, Xã Ca Thành, Xã Phan Thanh, Xã Thành Công, Xã Tam Kim, Xã Nguyên Bình, Xã Tĩnh Túc, Xã Minh Tâm	THUẾ TỈNH CAO BẰNG	1054457	Thuế Tỉnh Cao Bằng	2361	Kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng Nghiệp vụ 2

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
5	19	Tỉnh Thái Nguyên	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Phan Đình Phùng, Phường Gia Sảng, Phường Tích Lương, Phường Linh Sơn, Phường Quyết Thắng, Phường Quan Triều, Xã Tân Cương, Xã Đồng Hỷ, Xã Quang Sơn, Xã Trại Cau, Xã Nam Hòa, Xã Văn Hân, Xã Văn Lăng, Xã Võ Nhai, Xã Dân Tiến, Xã Nghinh Tường, Xã Thần Sa, Xã La Hiên, Xã Tráng Xá, Xã Sảng Mộc, Phường Phố Yên, Phường Vạn Xuân, Phường Trung Thành, Phường Phúc Thuận, Xã Thành Công, Xã Phú Bình, Xã Diêm Thụy, Xã Tân Thành, Xã Kha Sơn, Xã Tân Khánh, Xã Phú Lương, Xã Vô Tranh, Xã Yên Trạch, Xã Hợp Thành, Xã Đình Hòa, Xã Bình Yên, Xã Trung Hội, Xã Phương Tiến, Xã Phú Đình, Xã Bình Thành, Xã Kim Phượng, Xã Lam Vỹ, Phường Sóng Công, Phường Bá Xuyên, Phường Bách Quang, Xã Đại Từ, Xã Đức Lương, Xã Phú Thịnh, Xã La Bằng, Xã Phú Lạc, Xã An Khánh, Xã Quán Chu, Xã Vạn Phú, Xã Phú Yên, Xã Đại Phúc, Xã Tân Kỳ, Xã Thanh Mai, Xã Thanh Thịnh, Xã Chợ Mới, Xã Yên Bình, Xã Văn Lang, Xã Cường Lợi, Xã Na Ri, Xã Trần Phú, Xã Côn Minh, Xã Xuân Dương, Phường Đức Xuân, Phường Bắc Kạn, Xã Phú Thông, Xã Cẩm Giang, Xã Vĩnh Thông, Xã Bạch Thông, Xã Phong Quang, Xã Nam Cường, Xã Quảng Bạch, Xã Chợ Đồn, Xã Yên Thịnh, Xã Yên Phong, Xã Nghĩa Tá, Xã Ba Bể, Xã Chợ Rã, Xã Phúc Lộc, Xã Thượng Minh, Xã Đồng Phúc, Xã Thương Quan, Xã Bằng Văn, Xã Ngân Sơn, Xã Nà Phặc, Xã Hiệp Lục, Xã Bằng Thành, Xã Nohien Loan, Xã Cao Minh	THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN	1054033	Thuế tỉnh Thái Nguyên 01	2261	Kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng Kế toán Nhà nước
6	19	Tỉnh Thái Nguyên	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Yên Bái, Phường Văn Phú, Phường Nam Cường, Phường Âu Lâu, Xã Cẩm Nhân, Xã Yên Thành, Xã Thác Bà, Xã Yên Bình, Xã Bảo Ái, Phường Nghĩa Lộ, Phường Cầu Thia, Phường Trung Tâm, Xã Liên Sơn, Xã Văn Chấn, Xã Gia Hội, Xã Thương Bằng La, Xã Chấn Thịnh, Xã Nghĩa Tâm, Xã Sơn Lương, Xã Cát Thịnh, Xã Trạm Tầu, Xã Hạnh Phúc, Xã Phình Hồ, Xã Tả Xi Lăng, Xã Mù Cang Chải, Xã Khao Mang, Xã Púng Luông, Xã Nậm Cỏ, Xã Chế Tạo, Xã Lao Chải, Xã Tù Lẻ, Xã Lâm Thượng, Xã Lục Yên, Xã Tân Lĩnh, Xã Khánh Hòa, Xã Phúc Lợi, Xã Mường Lai, Xã Trần Yên, Xã Lương Thịnh, Xã Hưng Khánh, Xã Việt Hồng, Xã Quy Mông, Xã Phong Dụ Hạ, Xã Phong Dụ Thượng, Xã Châu Quế, Xã Lâm Giang, Xã Đồng Cuông, Xã Tân Hợp, Xã Mậu A, Xã Xuân Ái, Xã Mỏ Vàng	THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN	1055000	Thuế tỉnh Thái Nguyên 02	2261	Kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng Kế toán Nhà nước
7	15	Tỉnh Lào Cai	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Phong Hải, Xã Xuân Quang, Xã Bảo Thắng, Xã Tăng Loong, Xã Gia Phú, Xã Bảo Yên, Xã Nghĩa Đô, Xã Thượng Hà, Xã Xuân Hòa, Xã Phúc Khánh, Xã Bảo Hà, Xã Văn Bàn, Xã Võ Lao, Xã Khánh Yên, Xã Dương Quý, Xã Chiềng Ken, Xã Minh Lương, Xã Nậm Cháy, Xã Nậm Xé, Xã Cốc Lầu, Xã Bảo Nhai, Xã Bản Liên, Xã Bắc Hà, Xã Tả Cù Tỷ, Xã Lũng Phình, Xã Si Ma Cai, Xã Sín Chéng, Phường Cam Đường, Phường Lào Cai, Xã Cốc San, Xã Hợp Thành, Xã Pha Long, Xã Mường Khương, Xã Bản Lầu, Xã Cao Sơn, Xã Mường Hum, Xã Dền Sáng, Xã Y Tý, Xã A Mù Sung, Xã Trịnh Tường, Xã Bản Xèo, Xã Bát Xát, Phường Sa Pa, Xã Mường Bo, Xã Bản Hồ, Xã Tả Phìn, Xã Tả Van, Xã Nổi Chỉ Sơn	THUẾ TỈNH LÀO CAI	1054077	Thuế tỉnh Lào Cai 01	2561	Kho bạc Nhà nước khu vực IX - Phòng Kế toán Nhà nước
8	15	Tỉnh Lào Cai	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Phong Hải, Xã Xuân Quang, Xã Bảo Thắng, Xã Tăng Loong, Xã Gia Phú, Xã Bảo Yên, Xã Nghĩa Đô, Xã Thượng Hà, Xã Xuân Hòa, Xã Phúc Khánh, Xã Bảo Hà, Xã Văn Bàn, Xã Võ Lao, Xã Khánh Yên, Xã Dương Quý, Xã Chiềng Ken, Xã Minh Lương, Xã Nậm Cháy, Xã Nậm Xé, Xã Cốc Lầu, Xã Bảo Nhai, Xã Bản Liên, Xã Bắc Hà, Xã Tả Cù Tỷ, Xã Lũng Phình, Xã Si Ma Cai, Xã Sín Chéng, Phường Cam Đường, Phường Lào Cai, Xã Cốc San, Xã Hợp Thành, Xã Pha Long, Xã Mường Khương, Xã Bản Lầu, Xã Cao Sơn, Xã Mường Hum, Xã Dền Sáng, Xã Y Tý, Xã A Mù Sung, Xã Trịnh Tường, Xã Bản Xèo, Xã Bát Xát, Phường Sa Pa, Xã Mường Bo, Xã Bản Hồ, Xã Tả Phìn, Xã Tả Van, Xã Nổi Chỉ Sơn	THUẾ TỈNH LÀO CAI	1054639	Thuế tỉnh Lào Cai 02	2561	Kho bạc Nhà nước khu vực IX - Phòng Kế toán Nhà nước

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (đự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
9	11	Tỉnh Điện Biên	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Mường Thanh, Xã Thanh Nua, Xã Thanh An, Xã Thanh Yên, Xã Sam Mùn, Xã Núa Ngam, Xã Mường Nhá, Xã Na Son, Xã Xa Dung, Xã Pú Nhi, Xã Mường Luân, Xã Tia Dình, Xã Phình Giàng, Xã Mường Nhé, Xã Sin Thầu, Xã Mường Toong, Xã Nậm Kè, Xã Quảng Lâm, Xã Nà Hỳ, Xã Mường Chà, Xã Nà Búng, Xã Chà Tở, Xã Si Pa Phìn, Xã Na Sang, Xã Mường Tùng, Xã Pa Ham, Xã Nậm Nèn, Xã Mường Pôn, Phường Mường Lay, Xã Mường Pháng, Phường Điện Biên Phủ, Xã Mường Ảng, Xã Nà Tấu, Xã Mường Lan, Xã Tuần Giáo, Xã Quải Tò, Xã Mường Mùn, Xã Pú Nhung, Xã Chiềng Sinh, Xã Tủa Chùa, Xã Sin Chải, Xã Sinh Phình, Xã Tủa Thàng, Xã Sàng Nhé, Xã Bùng Lạn	THUẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN	1054805	Thuế Tỉnh Điện Biên	2761	Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng Kế toán Nhà nước
10	12	Tỉnh Lai Châu	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Bum Tở, Xã Bum Nua, Xã Mường Tè, Xã Thu Lúm, Xã Pa Ú, Xã Mù Cá, Xã Tả Tổng, Xã Lê Lợi, Xã Nậm Hàng, Xã Mường Mỏ, Xã Hua Bum, Xã Sin Suối Hồ, Xã Phong Thổ, Xã Đào San, Xã Si Lô Lầu, Xã Khổng Lào, Xã Tủa Sin Chải, Xã Sin Hồ, Xã Hồng Thu, Xã Nậm Tăm, Xã Pú Sam Cáp, Xã Nậm Cười, Xã Nậm Ma, Xã Pa Tân, Xã Mường Kim, Xã Khoen On, Xã Than Uyên, Xã Mường Than, Xã Pắc Ta, Xã Nậm Sỏ, Xã Tân Uyên, Xã Mường Khoa, Phường Tân Phong, Phường Đoàn Kết, Xã Bản Bo, Xã Bình Lư, Xã Tả Lặng, Xã Khun Há	THUẾ TỈNH LAI CHÂU	1072657	Thuế Tỉnh Lai Châu	3161	Kho bạc Nhà nước khu vực IX Phòng Nghiệp vụ 2
11	14	Tỉnh Sơn La	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Tô Hiệu, Phường Chiềng An, Phường Chiềng Cơi, Phường Chiềng Sinh, Xã Mường La, Xã Chiềng Lao, Xã Mường Bù, Xã Chiềng Hoa, Xã Ngọc Chiến, Xã Thuận Châu, Xã Chiềng La, Xã Nậm Lầu, Xã Muối Nọi, Xã Mường Khiêng, Xã Co Ma, Xã Bình Thuận, Xã Mường É, Xã Long Hè, Xã Mường Bám, Xã Quỳnh Nhai, Xã Mường Chiến, Xã Mường Giôn, Xã Mường Sại, Xã Mai Sơn, Xã Phiêng Pán, Xã Chiềng Mung, Xã Phiêng Cầm, Xã Mường Chanh, Xã Tả Hộc, Xã Chiềng Sung, Xã Chiềng Mai, Xã Yên Châu, Xã Chiềng Hạc, Xã Lóng Phiêng, Xã Yên Sơn, Xã Phiêng Khoài, Phường Mộc Châu, Phường Mộc Sơn, Phường Vân Sơn, Phường Tháo Nguyên, Xã Đoàn Kết, Xã Lóng Sập, Xã Chiềng Sơn, Xã Tân Yên, Xã Văn Hồ, Xã Sông Khũa, Xã Tô Múa, Xã Xuân Nha, Xã Phù Yên, Xã Gia Phú, Xã Tường Hạ, Xã Mường Cơi, Xã Mường Bang, Xã Tân Phong, Xã Kim Bôn, Xã Suối Tọ, Xã Bắc Yên, Xã Tả Xùa, Xã Tả Khoa, Xã Xim Vàng, Xã Pắc Ngà, Xã Chiềng Sại, Xã Bó Sinh, Xã Chiềng Khương, Xã Mường Hùng, Xã Chiềng Khoong, Xã Mường Lắm, Xã Nậm Ty, Xã Sông Mã, Xã Huổi Mốt, Xã Chiềng Sơ, Xã Sốp Cộp, Xã Púng Bính, Xã Mường Lạn, Xã Mường Lèo	THUẾ TỈNH SƠN LA	1054354	Thuế Tỉnh Sơn La	2711	Kho bạc Nhà nước khu vực X - Phòng Nghiệp vụ 2

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
12	25	Tỉnh Phú Thọ	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Phong Châu, Phường Phú Thọ, Phường Âu Cơ, Xã Phú Ninh, Xã Dân Chủ, Xã Phú Mỹ, Xã Trạm Thôn, Xã Bình Phú, Phường Việt Trì, Phường Nông Trang, Phường Thanh Miếu, Phường Vân Phú, Xã Hy Cương, Xã Xuân Lũng, Xã Lâm Thao, Xã Phùng Nguyên, Xã Bán Nguyên, Xã Tam Nông, Xã Thọ Văn, Xã Vạn Xuân, Xã Hiền Quan, Xã Thanh Thủy, Xã Đào Xá, Xã Tu Vũ, Xã Cẩm Khê, Xã Phú Khê, Xã Hùng Việt, Xã Đồng Lương, Xã Tiên Lương, Xã Văn Bán, Xã Yên Lập, Xã Thượng Long, Xã Sơn Lương, Xã Xuân Viên, Xã Minh Hòa, Xã Trung Sơn, Xã Thanh Sơn, Xã Võ Miếu, Xã Văn Miếu, Xã Cư Đông, Xã Hương Cẩn, Xã Yên Sơn, Xã Khả Cừu, Xã Tân Sơn, Xã Minh Đài, Xã Lai Đồng, Xã Xuân Đài, Xã Long Cốc, Xã Thu Cúc, Xã Đoàn Hùng, Xã Tây Cốc, Xã Chân Mộng, Xã Chi Đám, Xã Bằng Luán, Xã Thanh Ba, Xã Quảng Yên, Xã Hoàng Cương, Xã Đông Thành, Xã Chi Tiên, Xã Liên Minh, Xã Hạ Hòa, Xã Đan Thượng, Xã Yên Kỳ, Xã Vĩnh Chân, Xã Văn Lương, Xã Liên Lương	THUẾ TỈNH PHÚ THO	1054122	Thuế tỉnh Phú Thọ 01	1261	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Kế toán Nhà nước
13	25	Tỉnh Phú Thọ	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Tam Đảo, Xã Đại Đình, Xã Đạo Trù, Xã Tam Dương, Xã Hội Thịnh, Xã Hoàng An, Xã Tam Dương Bắc, Phường Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Yên, Xã Lập Thạch, Xã Tiên Lữ, Xã Thái Hòa, Xã Liên Hòa, Xã Hợp Lý, Xã Sơn Đông, Xã Tam Sơn, Xã Sông Lô, Xã Hải Lựu, Xã Yên Lãng, Phường Phúc Yên, Phường Xuân Hòa, Xã Bình Nguyên, Xã Xuân Lãng, Xã Bình Xuyên, Xã Bình Xuyên, Xã Vĩnh Tường, Xã Thổ Tang, Xã Vĩnh Hưng, Xã Vĩnh An, Xã Vĩnh Phú, Xã Vĩnh Thành, Xã Yên Lạc, Xã Tế Lễ, Xã Liên Châu, Xã Tam Hồng, Xã Nguyệt Đức	THUẾ TỈNH PHÚ THO	1054998	Thuế tỉnh Phú Thọ 02	1261	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Kế toán Nhà nước
14	25	Tỉnh Phú Thọ	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Tân Lạc, Xã Mường Bì, Xã Mường Hoa, Xã Toàn Thắng, Xã Vân Sơn, Xã Cao Phong, Xã Mường Thàng, Xã Thung Nai, Xã Pá Cò, Xã Bao La, Xã Mai Hạ, Xã Mai Châu, Xã Tân Mai, Phường Thông Nhất, Phường Kỳ Sơn, Phường Hòa Bình, Phường Tân Hòa, Xã Thịnh Minh, Xã Đà Bắc, Xã Tiên Phong, Xã Cao Sơn, Xã Tân Pheo, Xã Đức Nhân, Xã Quy Đức, Xã Lương Sơn, Xã Liên Sơn, Xã Cao Dương, Xã Lạc Thủy, Xã An Nghĩa, Xã An Bình, Xã Mường Động, Xã Nật Sơn, Xã Hợp Kim, Xã Dũng Tiến, Xã Kim Bôi, Xã Yên Thủy, Xã Yên Trị, Xã Lạc Lương, Xã Ngọc Sơn, Xã Quyết Thắng, Xã Thượng Cốc, Xã Lạc Sơn, Xã Đại Đồng, Xã Yên Phú, Xã Mường Vang, Xã Nhân Nghĩa	THUẾ TỈNH PHÚ THO	1055797	Thuế tỉnh Phú Thọ 03	1261	Kho bạc Nhà nước khu vực VIII - Phòng Kế toán Nhà nước
15	22	Tỉnh Quảng Ninh	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Quảng Hà, Xã Cai Mien, Xã Đường Hoa, Xã Quang Đức, Xã Đầm Hà, Xã Quang Tân, Phường Móng Cái 1, Phường Móng Cái 2, Phường Móng Cái 3, Xã Vĩnh Thực, Xã Hải Ninh, Xã Hải Sơn, Phường Đồng Triều, Phường An Sinh, Phường Bình Khê, Phường Hoàng Quế, Phường Mao Khê, Phường Uông Bí, Phường Yên Tử, Phường Vàng Danh, Phường Quảng Yên, Phường Đông Mai, Phường Hiệp Hòa, Phường Hà An, Phường Phong Cốc, Phường Liên Hòa, Phường Hà Long, Phường Tuần Châu, Phường Việt Hưng, Phường Bãi Cháy, Phường Hồng Gai, Phường Hoành Bồ, Phường Hà Tu, Phường Hà Lâm, Phường Cao Xanh, Xã Quảng La, Xã Thông Nhất, Phường Cẩm Phả, Phường Mông Dương, Phường Quang Hanh, Phường Cửa Ông, Xã Hải Hòa, Đặc khu Vân Đồn, Đặc khu Cô Tô, Xã Tiên Yên, Xã Diên Xá, Xã Đông Ngũ, Xã Hải Lang, Xã Bình Liêu, Xã Lục Hồn, Xã Hoàng Mô, Xã Ba Chẽ, Xã Lương Minh, Xã Kỳ Thượng	THUẾ TỈNH QUẢNG NINH	1054619	Thuế Tỉnh Quảng Ninh	2811	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng nghiệp vụ 2

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
16	31	Thành phố Hải Phòng	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Đồ Sơn, Phường Núi Đồ Sơn, Xã Kiến Thụy, Xã Kiến Minh, Xã Kiến Hải, Xã Kiến Hưng, Xã Nghi Dương, Đặc khu Bạch Long Vĩ, Đặc khu Cát Hải, Phường Ngõ Quỳ, Phường Gia Viên, Phường Hải An, Phường Đồng Hải, Phường Thủy Nguyên, Phường Thiên Hương, Phường Hòa Bình, Phường Nam Triều, Phường Bạch Đằng, Phường Lưu Kiếm, Phường Lê Ích Mộc, Xã Việt Khê, Phường Hồng Bàng, Phường Hồng An, Phường An Dương, Phường An Hải, Phường An Phong, Phường Kiến An, Phường Phú Liên, Xã An Hưng, Xã An Khánh, Xã An Quang, Xã An Trường, Xã An Lão, Phường Lê Chân, Phường An Biên, Phường Hùng Đạo, Phường Dương Kinh, Xã Vĩnh An, Xã Vĩnh Hải, Xã Nguyễn Bình Khiêm, Xã Vĩnh Bảo, Xã Vĩnh Hòa, Xã Vĩnh Thịnh, Xã Vĩnh Thuận, Xã Quyết Thắng, Xã Tiên Lãng, Xã Tân Minh, Xã Tiên Minh, Xã Chấn Hưng, Xã Hùng Thắng	THUẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	1054745	Thuế Thành phố Hải Phòng 01	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Kế toán Nhà nước
17	31	Thành phố Hải Phòng	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Bình Giang, Xã Kê Sắt, Xã Đường An, Xã Thượng Hồng, Xã Cẩm Giang, Xã Mao Điền, Xã Cẩm Giang, Xã Tuệ Tĩnh, Xã Thanh Miện, Xã Bắc Thanh Miện, Xã Hải Hưng, Xã Nguyễn Lương Bằng, Xã Nam Thanh Miện, Xã Tứ Kỳ, Xã Tân Kỳ, Xã Đại Sơn, Xã Chí Minh, Xã Lạc Phương, Xã Nguyễn Giáp, Xã Gia Lộc, Xã Yên Kiều, Xã Gia Phúc, Xã Trương Tân, Xã Ninh Giang, Xã Vĩnh Lại, Xã Khúc Thừa Du, Xã Tân An, Xã Hồng Châu, Phường Chu Văn An, Phường Chí Linh, Phường Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Trãi, Phường Trần Nhân Tông, Phường Lê Đại Hành, Phường Kinh Môn, Phường Nguyễn Đại Nãng, Phường Trần Liễu, Phường Bắc An Phú, Phường Nhi Chiêu, Phường Phạm Sư Mạnh, Xã Nam An Phú, Xã Kim Thành, Xã An Thành, Xã Lai Khê, Xã Phú Thái, Phường Hải Dương, Phường Lê Thanh Nghị, Phường Việt Hòa, Phường Thánh Đông, Phường Nam Đông, Phường Tân Hưng, Phường Thạch Khôi, Phường Tứ Minh, Phường Ái Quốc, Xã Nam Sách, Xã Thái Tân, Xã Trần Phú, Xã Hợp Tiến, Xã An Phú, Xã Thanh Hà, Xã Hà Tây, Xã Hà Bắc, Xã Hà Nam, Xã Hà Đông	THUẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	1054149	Thuế Thành phố Hải Phòng 02	0061	Kho bạc Nhà nước khu vực III - Phòng Kế toán Nhà nước
18	33	Tỉnh Hưng Yên	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Yên Mỹ, Xã Việt Yên, Xã Hoàn Long, Xã Nguyễn Văn Linh, Xã Ân Thi, Xã Xuân Trúc, Xã Phạm Ngũ Lão, Xã Nguyễn Trãi, Xã Hồng Quang, Phường Phố Hiến, Phường Sơn Nam, Phường Hồng Châu, Xã Tân Hưng, Xã Lương Bằng, Xã Nghĩa Dân, Xã Hiệp Cường, Xã Đức Hợp, Xã Hoàng Hoa Thám, Xã Tiên Lữ, Xã Tiên Hoa, Xã Quang Hưng, Xã Đoàn Đào, Xã Tiên Tiến, Xã Tống Trán, Xã Nghĩa Trụ, Xã Phụng Công, Xã Văn Giang, Xã Mỹ Sở, Xã Khoái Châu, Xã Triệu Việt Vương, Xã Việt Tiến, Xã Chí Minh, Xã Châu Ninh, Phường Mỹ Hào, Phường Đường Hào, Phường Thương Hồng, Xã Như Quỳnh, Xã Lạc Đạo, Xã Đại Đồng	THUẾ TỈNH HƯNG YÊN	1054107	Thuế tỉnh Hưng Yên 01	0411	Kho bạc Nhà nước khu vực IV

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
19	33	Tỉnh Hưng Yên	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Thái Thụy, Xã Đông Thụy Anh, Xã Bắc Thụy Anh, Xã Thụy Anh, Xã Nam Thụy Anh, Xã Bắc Thái Ninh, Xã Thái Ninh, Xã Tây Thái Ninh, Xã Đông Thái Ninh, Xã Nam Thái Ninh, Xã Tây Thụy Anh, Xã Đông Hưng, Xã Bắc Tiên Hưng, Xã Đông Tiên Hưng, Xã Nam Đông Hưng, Xã Bắc Đông Quan, Xã Bắc Đông Hưng, Xã Đông Quan, Xã Nam Tiên Hưng, Xã Tiên Hưng, Xã Quỳnh Phú, Xã Minh Thọ, Xã Nguyễn Du, Xã Quỳnh An, Xã Ngọc Lâm, Xã Đông Bằng, Xã A Sào, Xã Phú Đức, Xã Tân Tiến, Xã Hưng Hà, Xã Tiên La, Xã Lê Quý Đôn, Xã Hồng Minh, Xã Thần Khê, Xã Diên Hà, Xã Ngự Thiên, Xã Long Hưng, Phường Thái Bình, Phường Trần Lãm, Phường Trần Hưng Đạo, Phường Trà Lý, Phường Vũ Phúc, Xã Vũ Thư, Xã Thư Trì, Xã Tân Thuận, Xã Thư Vũ, Xã Vũ Tiên, Xã Vạn Xuân, Xã Tiên Hải, Xã Tây Tiên Hải, Xã Ái Quốc, Xã Đồng Châu, Xã Đông Tiên Hải, Xã Nam Cường, Xã Hưng Phú, Xã Nam Tiên Hải, Xã Kiến Xương, Xã Lê Lợi, Xã Quang Lịch, Xã Vũ Quý, Xã Bình Thanh, Xã Bình Định, Xã Hồng Vũ, Xã Bình Nguyễn, Xã Trà Giang	THUẾ TỈNH HƯNG YÊN	1054797	Thuế tỉnh Hưng Yên 02	0411	Kho bạc Nhà nước khu vực IV
20	37	Tỉnh Ninh Bình	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Hoa Lư, Phường Tây Hoa Lư, Phường Đông Hoa Lư, Phường Nam Hoa Lư, Phường Tam Điệp, Phường Yên Sơn, Phường Trung Sơn, Phường Yên Thắng, Xã Yên Mô, Xã Yên Mạc, Xã Yên Tử, Xã Đông Thái, Xã Kim Sơn, Xã Quang Thiện, Xã Phát Diệm, Xã Lai Thành, Xã Đinh Hóa, Xã Bình Minh, Xã Kim Đông, Xã Chât Bình, Xã Yên Khánh, Xã Khánh Nhac, Xã Khánh Thiện, Xã Khánh Hội, Xã Khánh Trung, Xã Nho Quan, Xã Gia Lâm, Xã Gia Tường, Xã Phú Sơn, Xã Cúc Phương, Xã Phú Long, Xã Thanh Sơn, Xã Quỳnh Lưu, Xã Gia Viễn, Xã Đại Hoàng, Xã Gia Hưng, Xã Gia Phong, Xã Gia Văn, Xã Gia Trấn	THUẾ TỈNH NINH BÌNH	1055082	Thuế tỉnh Ninh Bình 01	1311	Kho bạc Nhà nước khu vực V
21	37	Tỉnh Ninh Bình	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Duy Tiên, Phường Duy Tân, Phường Đồng Văn, Phường Duy Hà, Phường Tiên Sơn, Xã Lý Nhân, Xã Nam Xang, Xã Bắc Lý, Xã Vĩnh Tru, Xã Trần Thương, Xã Nhân Hà, Xã Nam Lý, Xã Liêm Hà, Xã Tân Thanh, Xã Thanh Bình, Xã Thanh Lâm, Xã Thanh Liêm, Xã Bình Lục, Xã Bình Mỹ, Xã Bình An, Xã Bình Giang, Xã Bình Sơn, Phường Hà Nam, Phường Phú Ván, Phường Châu Sơn, Phường Phú Lý, Phường Liêm Tuyên, Phường Lê Hồ, Phường Nguyễn Úy, Phường Lý Thường Kiệt, Phường Kim Thanh, Phường Tam Chúc, Phường Kim Bân	THUẾ TỈNH NINH BÌNH	1054422	Thuế tỉnh Ninh Bình 02	1311	Kho bạc Nhà nước khu vực V
22	37	Tỉnh Ninh Bình	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Hải Hậu, Xã Hải Anh, Xã Hải Tiến, Xã Hải Hưng, Xã Hải An, Xã Hải Quang, Xã Hải Xuân, Xã Hải Thịnh, Xã Nghĩa Hưng, Xã Đông Thịnh, Xã Nghĩa Sơn, Xã Hồng Phong, Xã Nghĩa Lâm, Xã Quý Nhất, Xã Rang Đông, Phường Nam Định, Phường Thiên Trường, Phường Đông A, Phường Vị Khê, Phường Thành Nam, Phường Trường Thi, Phường Hồng Quang, Phường Mỹ Lộc, Xã Ý Yên, Xã Yên Đồng, Xã Yên Cường, Xã Vạn Thắng, Xã Vũ Dương, Xã Tân Minh, Xã Phong Doanh, Xã Vụ Bản, Xã Minh Tân, Xã Hiến Khánh, Xã Liên Minh, Xã Nam Trục, Xã Nam Minh, Xã Nam Đông, Xã Nam Ninh, Xã Nam Hồng, Xã Trục Ninh, Xã Cổ Lễ, Xã Ninh Giang, Xã Cát Thành, Xã Quang Hưng, Xã Minh Thái, Xã Ninh Cường, Xã Xuân Trường, Xã Xuân Hưng, Xã Xuân Giang, Xã Xuân Hồng, Xã Giao Thủy, Xã Giao Minh, Xã Giao Hòa, Xã Giao Phúc, Xã Giao Hưng, Xã Giao Bình, Xã Giao Ninh	THUẾ TỈNH NINH BÌNH	1054613	Thuế tỉnh Ninh Bình 03	1311	Kho bạc Nhà nước khu vực V

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
23	38	Tỉnh Thanh Hóa	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Hoàng Hóa, Xã Hoàng Tiến, Xã Hoàng Thanh, Xã Hoàng Lộc, Xã Hoàng Châu, Xã Hoàng Sơn, Xã Hoàng Phú, Xã Hoàng Giang, Xã Nga Sơn, Xã Nga Thắng, Xã Hồ Vương, Xã Tân Tiến, Xã Nga An, Xã Ba Đình, Xã Triệu Lộc, Xã Đông Thành, Xã Hâu Lộc, Xã Hoa Lộc, Xã Vạn Lộc, Phường Hạc Thành, Phường Quảng Phú, Phường Đông Quang, Phường Đông Sơn, Phường Đông Tiến, Phường Hàm Rồng, Phường Nguyệt Viên, Xã Triệu Sơn, Xã Thọ Bình, Xã Thọ Ngọc, Xã Thọ Phú, Xã Hợp Tiến, Xã An Nông, Xã Tân Ninh, Xã Đông Tiến, Xã Nông Công, Xã Thăng Lợi, Xã Trung Chính, Xã Trường Ván, Xã Thăng Bình, Xã Tương Lĩnh, Xã Công Chính, Phường Ngọc Sơn, Phường Tân Dân, Phường Hải Lĩnh, Phường Tĩnh Gia, Phường Đào Duy Từ, Phường Hải Bình, Phường Trúc Lâm, Phường Nghi Sơn, Xã Các Sơn, Xã Trường Lâm, Xã Cẩm Thạch, Xã Cẩm Thủy, Xã Cẩm Tú, Xã Cẩm Vân, Xã Cẩm Tân, Xã Bà Thước, Xã Thiết Ống, Xã Văn Nho, Xã Điền Quang, Xã Điền Lư, Xã Quý Lương, Xã Cổ Lũng, Xã Pù Luông, Xã Ngọc Lặc, Xã Thạch Lập, Xã Ngọc Liên, Xã Minh Sơn, Xã Nguyệt Ấn, Xã Kiên Thọ, Xã Linh Sơn, Xã Đông Lương, Xã Văn Phú, Xã Giao An, Xã Yên Khương, Xã Yên Thắng, Xã Hối Xuân, Xã Nam Xuân, Xã Thiên Phú, Xã Hiền Kiệt, Xã Phú Lệ, Xã Trung Thành, Xã Phú Xuân, Xã Trung Sơn, Xã Tam Lư, Xã Quan Sơn, Xã Trung Hà, Xã Na Mèo, Xã Sơn Thủy, Xã Sơn Điện, Xã Mường Mìn, Xã Tam Thanh, Xã Mường Lát, Xã Mường Chanh, Xã Mường Lý, Xã Nhi Sơn, Xã Pù Nhi, Xã Quang Chiêu, Xã Tam Chung, Xã Trung Lý, Phường Bim Sơn, Phường Quang Trung, Xã Hà Trung, Xã Tống Sơn, Xã Hà Long, Xã Hoát Giang, Xã Linh Toại, Xã Thọ Xuân, Xã Thọ Long, Xã Xuân Hòa, Xã Sao Vàng, Xã Lam Sơn, Xã Thọ Lập, Xã Xuân Tín, Xã Xuân Lập, Xã Thường Xuân, Xã Luận Thành, Xã Tân Thành, Xã Thăng Lộc, Xã Xuân Chính, Xã Bát Mọt, Xã Yên Nhân, Xã	THUẾ TỈNH THANH HÓA	1056041	Thuế Tỉnh Thanh Hóa	1361	Kho bạc Nhà nước khu vực XI Phòng Kế toán Nhà nước

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
24	40	Tỉnh Nghệ An	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Anh Sơn, Xã Yên Xuân, Xã Nhân Hòa, Xã Anh Sơn Đông, Xã Vinh Tường, Xã Thành Bình Thọ, Xã Mường Xén, Xã Hữu Kiêm, Xã Nam Cấn, Xã Chiêu Lưu, Xã Na Loi, Xã Mường Típ, Xã Na Ngòi, Xã Mỹ Lý, Xã Bắc Lý, Xã Keng Đu, Xã Huổi Tu, Xã Mường Lông, Xã Tam Quang, Xã Tam Thái, Xã Tương Dương, Xã Lương Minh, Xã Yên Hòa, Xã Yên Na, Xã Nga My, Xã Nhôn Mai, Xã Hữu Khuông, Xã Con Cuông, Xã Môn Sơn, Xã Mậu Thạch, Xã Cam Phúc, Xã Châu Khê, Xã Bình Chuẩn, Xã Nghi Lộc, Xã Phúc Lộc, Xã Đông Lộc, Xã Trung Lộc, Xã Thần Lĩnh, Xã Hải Lộc, Xã Văn Kiều, Phường Cửa Lò, Phường Trường Vinh, Phường Thành Vinh, Phường Vinh Hưng, Phường Vinh Phú, Phường Vinh Lộc, Phường Hoàng Mai, Phường Tân Mai, Phường Quỳnh Mai, Xã Quỳnh Lưu, Xã Quỳnh Văn, Xã Quỳnh Anh, Xã Quỳnh Tam, Xã Quỳnh Phú, Xã Quỳnh Sơn, Xã Quỳnh Thắng, Xã Diễn Châu, Xã Đức Châu, Xã Quảng Châu, Xã Hải Châu, Xã Tân Châu, Xã An Châu, Xã Minh Châu, Xã Hùng Châu, Xã Yên Thành, Xã Quan Thành, Xã Hợp Minh, Xã Văn Tú, Xã Văn Du, Xã Quang Đông, Xã Giai Lạc, Xã Bình Minh, Xã Đông Thành, Xã Quý Hợp, Xã Châu Hồng, Xã Châu Lộc, Xã Tam Hợp, Xã Minh Hợp, Xã Mường Ham, Xã Mường Chơng, Xã Quý Châu, Xã Châu Tiến, Xã Hùng Chấn, Xã Châu Bình, Xã Quế Phong, Xã Tiên Phong, Xã Trí Lễ, Xã Mường Quảng, Xã Thông Thu, Phường Thái Hòa, Phường Tây Hiếu, Xã Đông Hiếu, Xã Nghĩa Đàn, Xã Nghĩa Thọ, Xã Nghĩa Lâm, Xã Nghĩa Mai, Xã Nghĩa Hưng, Xã Nghĩa Khánh, Xã Nghĩa Lộc, Xã Đô Lương, Xã Bạch Ngọc, Xã Văn Hiến, Xã Bạch Hà, Xã Thuần Trung, Xã Lương Sơn, Xã Cát Ngán, Xã Tam Đồng, Xã Hạnh Lâm, Xã Sơn Lâm, Xã Hoa Quân, Xã Kim Bảng, Xã Bích Hào, Xã Đại Đồng, Xã Xuân Lâm, Xã Tân Kỳ, Xã Tân Phú, Xã Tân An, Xã Nghĩa Đồng, Xã Giai Xuân, Xã Nghĩa Hành, Xã Tiên Đồng, Xã Hưng Nguyên, Phường Bắc Hồng Lĩnh, Phường Nam Hồng Lĩnh, Xã Tiên Điền, Xã Nghi Xuân, Xã Cỏ Dạm, Xã Đan Hải, Xã Thạch Hà, Xã Toàn Lưu, Xã Việt Xuyên, Xã Đông Kinh, Xã Thạch Xuân, Xã Lộc Hà, Xã Hồng Lộc, Xã Mai Phụ, Xã Can Lộc, Xã Tùng Lộc, Xã Gia Hành, Xã Trường Lưu, Xã Xuân Lộc, Xã Đông Lộc, Phường Thành Sơn, Phường Trần Phú, Phường Hà Huy Tập, Xã Thạch Lạc, Xã Đông Tiến, Xã Thạch Khê, Xã Cẩm Bình, Xã Cẩm Xuyên, Xã Thiên Cẩm, Xã Cẩm Duệ, Xã Cẩm Hưng, Xã Cẩm Lạc, Xã Cẩm Trung, Xã Yên Hòa, Xã Hương Khê, Xã Hương Phố, Xã Hương Đô, Xã Hà Linh, Xã Hương Bình, Xã Phúc Trạch, Xã Hương Xuân, Xã Vũ Quang, Xã Mai Hoa, Xã Thượng Đức, Phường Sông Trí, Phường Hải Ninh, Phường Hoàng Sơn, Phường Vũng Áng, Xã Kỳ Xuân, Xã Kỳ Anh, Xã Kỳ Hoa, Xã Kỳ Văn, Xã Kỳ Khang, Xã Kỳ Lạc, Xã Kỳ Thượng, Xã Hương Sơn, Xã Sơn Tây, Xã Tú Mỹ, Xã Sơn Giang, Xã Sơn Tiến, Xã Sơn Hồng, Xã Kim Hoa, Xã Sơn Kim 1, Xã Sơn Kim 2, Xã Đức Thọ, Xã Đức Đồng, Xã Đức Quang, Xã Đức Thạch, Xã Đức Minh	THUẾ TỈNH NGHỆ AN	1056494	Thuế Tỉnh Nghệ An	1411	Kho bạc Nhà nước khu vực XI - Phòng Nghiệp vụ 2
25	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Nghi Xuân, Xã Cỏ Dạm, Xã Đan Hải, Xã Thạch Hà, Xã Toàn Lưu, Xã Việt Xuyên, Xã Đông Kinh, Xã Thạch Xuân, Xã Lộc Hà, Xã Hồng Lộc, Xã Mai Phụ, Xã Can Lộc, Xã Tùng Lộc, Xã Gia Hành, Xã Trường Lưu, Xã Xuân Lộc, Xã Đông Lộc, Phường Thành Sơn, Phường Trần Phú, Phường Hà Huy Tập, Xã Thạch Lạc, Xã Đông Tiến, Xã Thạch Khê, Xã Cẩm Bình, Xã Cẩm Xuyên, Xã Thiên Cẩm, Xã Cẩm Duệ, Xã Cẩm Hưng, Xã Cẩm Lạc, Xã Cẩm Trung, Xã Yên Hòa, Xã Hương Khê, Xã Hương Phố, Xã Hương Đô, Xã Hà Linh, Xã Hương Bình, Xã Phúc Trạch, Xã Hương Xuân, Xã Vũ Quang, Xã Mai Hoa, Xã Thượng Đức, Phường Sông Trí, Phường Hải Ninh, Phường Hoàng Sơn, Phường Vũng Áng, Xã Kỳ Xuân, Xã Kỳ Anh, Xã Kỳ Hoa, Xã Kỳ Văn, Xã Kỳ Khang, Xã Kỳ Lạc, Xã Kỳ Thượng, Xã Hương Sơn, Xã Sơn Tây, Xã Tú Mỹ, Xã Sơn Giang, Xã Sơn Tiến, Xã Sơn Hồng, Xã Kim Hoa, Xã Sơn Kim 1, Xã Sơn Kim 2, Xã Đức Thọ, Xã Đức Đồng, Xã Đức Quang, Xã Đức Thạch, Xã Đức Minh	THUẾ TỈNH HÀ TĨNH	1055970	Thuế Tỉnh Hà Tĩnh	1461	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Kế toán Nhà nước

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
26	44	Tỉnh Quảng Trị	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Lệ Thủy, Xã Cam Hồng, Xã Sơn Ngự, Xã Tân Mỹ, Xã Trường Phú, Xã Lệ Ninh, Xã Kim Ngân, Phường Đồng Hới, Phường Đồng Thuận, Phường Đồng Sơn, Xã Quảng Ninh, Xã Ninh Châu, Xã Trường Ninh, Xã Trường Sơn, Xã Thương Trách, Xã Phong Nha, Xã Bắc Trách, Xã Đông Trách, Xã Hoàn Lão, Xã Bồ Trách, Xã Nam Trách, Xã Tuyên Lâm, Xã Tuyên Sơn, Xã Đồng Lê, Xã Tuyên Phú, Xã Tuyên Bình, Xã Tuyên Hóa, Xã Dân Hòa, Xã Kim Điền, Xã Kim Phú, Xã Minh Hòa, Xã Tân Thành, Phường Ba Đồn, Phường Bắc Gianh, Xã Nam Gianh, Xã Nam Ba Đồn, Xã Tân Gianh, Xã Trung Thuận, Xã Quảng Trách, Xã Hòa Trách, Xã Phú Trách	THUẾ TỈNH QUẢNG TRỊ	1055978	Thuế Tỉnh Quảng Trị 01	1511	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Nghiệp vụ 2
27	44	Tỉnh Quảng Trị	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Hướng Lập, Xã Hướng Phùng, Xã Khe Sanh, Xã Tân Lập, Xã Lao Bảo, Xã Lia, Xã A Dơi, Xã La Lay, Xã Tà Rut, Xã Đakrông, Xã Ba Lòng, Xã Hướng Hiệp, Đặc khu Côn Cỏ, Xã Vĩnh Linh, Xã Cửa Tùng, Xã Vĩnh Hoàng, Xã Vĩnh Thủy, Xã Bến Quan, Xã Gio Linh, Xã Côn Tiên, Xã Cửa Việt, Xã Bến Hải, Phường Đông Hà, Phường Nam Đông Hà, Xã Cam Lộ, Xã Hiếu Giang, Phường Quảng Trị, Xã Triệu Phong, Xã Ai Tử, Xã Triệu Bình, Xã Triệu Cơ, Xã Nam Cửa Việt, Xã Diên Sanh, Xã Mỹ Thủy, Xã Hải Lăng, Xã Nam Hải Lăng, Xã Vĩnh Định	THUẾ TỈNH QUẢNG TRỊ	1056128	Thuế Tỉnh Quảng Trị 02	1511	Kho bạc Nhà nước khu vực XII - Phòng Nghiệp vụ 2
28	46	Thành phố Huế	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Thanh Thủy, Phường Hương Thủy, Phường Phú Bài, Xã Phú Vinh, Xã Phú Hồ, Xã Phú Vang, Phường Thuận An, Xã Vĩnh Lộc, Xã Hưng Lộc, Xã Lộc An, Xã Phú Lộc, Xã Chấn Mây - Lăng Cô, Xã Long Quảng, Xã Nam Đông, Xã Khe Tre, Xã A Lưới 1, Xã A Lưới 2, Xã A Lưới 3, Xã A Lưới 4, Xã A Lưới 5, Phường Hương Trà, Phường Kim Trà, Xã Bình Điền, Phường Phong Điền, Phường Phong Thái, Phường Phong Dinh, Phường Phong Phú, Phường Phong Quảng, Xã Đan Điền, Xã Quảng Điền, Phường Kim Long, Phường Hương An, Phường Phú Xuân, Phường Hóa Châu, Phường Dương Nỗ, Phường Mỹ Thượng, Phường Thuận Hóa, Phường An Cựu, Phường Thủy Xuân, Phường Vỹ Dạ	THUẾ THÀNH PHỐ HUẾ	1056369	Thuế Thành phố Huế	1611	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Nghiệp vụ 2
29	48	Thành phố Đà Nẵng	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường An Khê, Phường Thanh Khê, Phường Hòa Khánh, Phường Hải Châu, Phường Hòa Cường, Phường Cẩm Lệ, Phường Hòa Xuân, Xã Hòa Vang, Xã Hòa Tiến, Xã Bà Nà, Phường Liên Chiểu, Phường Hải Vân, Phường An Hải, Phường Sơn Trà, Phường Ngũ Hành Sơn, Đặc khu Hoàng Sa	THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	1054323	Thuế Thành phố Đà Nẵng 01	0161	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
30	48	Thành phố Đà Nẵng	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Tam Kỳ, Phường Quảng Phú, Phường Hương Trà, Phường Bán Thạch, Xã Núi Thành, Xã Tam Mỹ, Xã Tam Anh, Xã Đức Phú, Xã Tam Xuân, Xã Tam Hải, Xã Tây Hồ, Xã Chiến Đàn, Xã Phú Ninh, Xã Đông Giang, Xã Sông Vàng, Xã Sông Kôn, Xã Bến Hiên, Xã Avương, Xã Tây Giang, Xã Hùng Sơn, Xã Trà My, Xã Trà Liên, Xã Trà Giáp, Xã Trà Tân, Xã Trà Đốc, Xã Nam Trà My, Xã Trà Tập, Xã Trà Vân, Xã Trà Linh, Xã Trà Leng, Xã Tiên Phước, Xã Lãnh Ngọc, Xã Thanh Bình, Xã Sơn Cẩm Hà, Xã Đại Lộc, Xã Hà Nha, Xã Thượng Đức, Xã Vu Gia, Xã Phú Thuần, Xã Khâm Đức, Xã Phước Năng, Xã Phước Chánh, Xã Phước Thành, Xã Phước Hiệp, Xã Thanh Mỹ, Xã Bến Giằng, Xã Nam Giang, Xã Đắc Pring, Xã La Dêê, Xã La Êê, Xã Thăng Bình, Xã Thăng An, Xã Thăng Trường, Xã Thăng Điện, Xã Thăng Phú, Xã Đồng Dương, Xã Xuân Phú, Xã Quế Sơn Trung, Xã Quế Sơn, Xã Nông Sơn, Xã Quế Phước, Xã Hiệp Đức, Xã Việt An, Xã Phước Trà, Phường Điện Bàn, Phường Điện Bàn Đông, Phường An Thắng, Phường Điện Bàn Bắc, Xã Điện Bàn Tây, Xã Gò Nổi, Xã Duy Nghĩa, Xã Nam Phước, Xã Duy Xuyên, Xã Thu Bồn, Phường Hội An, Phường Hội An Đông, Phường Hội An Tây, Xã Tân Hiệp	THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	1054254	Thuế Thành phố Đà Nẵng 02	0161	Kho bạc Nhà nước khu vực XIII - Phòng Kế toán Nhà nước
31	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Bình Minh, Xã Bình Chương, Xã Bình Sơn, Xã Vạn Tường, Xã Đông Sơn, Xã Trà Bồng, Xã Đông Trà Bồng, Xã Tây Trà, Xã Cà Đam, Xã Thanh Bồng, Xã Tây Trà Bồng, Đặc khu Lý Sơn, Xã Sơn Hạ, Xã Sơn Linh, Xã Sơn Hà, Xã Sơn Thủy, Xã Sơn Kỳ, Xã Sơn Tây, Xã Sơn Tây Thượng, Xã Sơn Tây Hạ, Phường Cẩm Thành, Phường Nghĩa Lộ, Phường Trương Quang Trọng, Xã An Phú, Xã Tịnh Khê, Xã Trường Giang, Xã Ba Gia, Xã Sơn Tịnh, Xã Thọ Phong, Xã Tư Nghĩa, Xã Vệ Giang, Xã Nghĩa Giang, Xã Trà Giang, Xã Nghĩa Hành, Xã Đình Cương, Xã Thiện Tín, Xã Phước Giang, Xã Minh Long, Xã Sơn Mai, Phường Trà Cầu, Phường Đức Phổ, Phường Sa Huỳnh, Xã Nguyễn Nghiêm, Xã Khánh Cường, Xã Ba Xa, Xã Ba Vì, Xã Ba Đình, Xã Ba Tô, Xã Ba Tư, Xã Ba Vinh, Xã Ba Động, Xã Đàng Thủy Trâm, Xã Long Phụng, Xã Mộ Cây, Xã Mộ Đức, Xã Lân Phong	THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI	1054306	Thuế Tỉnh Quảng Ngãi 01	2111	Kho bạc Nhà nước khu vực XV - Phòng Nghiệp vụ 2
32	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Kon Tum, Phường Đăk Cẩm, Phường Đăk Bla, Xã Ngok Bay, Xã Ia Chim, Xã Đăk Rơ Wa, Xã Măng Đen, Xã Măng Bút, Xã Kon Plông, Xã Đăk Kối, Xã Kon Braih, Xã Đăk Rve, Xã Ngok Tui, Xã Đăk Tô, Xã Kon Đào, Xã Đăk Pxi, Xã Đăk Mar, Xã Đăk Ui, Xã Ngok Rêu, Xã Đăk Hà, Xã Đăk Sao, Xã Đăk Tô Kan, Xã Tu Mơ Rông, Xã Măng Ri, Xã Sa Thủy, Xã Sa Bình, Xã Ya Ly, Xã Rờ Koi, Xã Mộ Rai, Xã Ia Toi, Xã Ia Đai, Xã Xốp, Xã Ngoc Linh, Xã Đăk Pô, Xã Đăk Pék, Xã Đăk Môn, Xã Đăk Long, Xã Bô Y, Xã Sa Loong, Xã Đức Nông	THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI	1056349	Thuế Tỉnh Quảng Ngãi 02	2111	Kho bạc Nhà nước khu vực XV - Phòng Nghiệp vụ 2

Địa bàn hành chính nơi NN/T phát sinh hoạt động SXKD									
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu	Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
						Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
33	52	Tỉnh Gia Lai	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Bình Định, Phường An Nhơn, Phường An Nhơn Đông, Phường An Nhơn Bắc, Phường An Nhơn Nam, Xã An Nhơn Tây, Xã Tuy Phước, Xã Tuy Phước Đông, Xã Tuy Phước Tây, Xã Tuy Phước Bắc, Xã Canh Liên, Xã Văn Canh, Xã Canh Vinh, Xã Tây Sơn, Xã Bình Khê, Xã Bình Phú, Xã Bình Hiệp, Xã Bình An, Xã Vĩnh Thanh, Xã Vĩnh Thịnh, Xã Vĩnh Quang, Xã Vĩnh Sơn, Phường Quy Nhơn, Phường Quy Nhơn Nam, Phường Quy Nhơn Bắc, Phường Quy Nhơn Tây, Phường Quy Nhơn Đông, Xã Nhơn Châu, Phường Bồng Sơn, Phường Hoài Nhơn, Phường Tam Quan, Phường Hoài Nhơn Đông, Phường Hoài Nhơn Tây, Phường Hoài Nhơn Nam, Phường Hoài Nhơn Bắc, Xã Hoài An, Xã Ân Tường, Xã Kim Sơn, Xã Vạn Đức, Xã Ân Hào, Xã An Hòa, Xã An Lão, Xã An Vinh, Xã An Toàn, Xã Phú Cát, Xã Ngõ Mây, Xã Xuân An, Xã Cát Tiến, Xã Đê Gi, Xã Hòa Hội, Xã Hội Sơn, Xã Phú Mỹ, Xã An Lương, Xã Bình Dương, Xã Phú Mỹ Đông, Xã Phú Mỹ Tây, Xã Phú Mỹ Nam, Xã Phú Mỹ Bắc	THUẾ TỈNH GIA LAI	1055805	Thuế Tỉnh Gia Lai 01	2011	Kho bạc Nhà nước khu vực XV - Phòng Kế toán Nhà nước
34	52	Tỉnh Gia Lai	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường An Khê, Phường An Bình, Xã Cửu An, Xã Kbang, Xã Kông Bơ La, Xã Tơ Tung, Xã Sơn Lang, Xã Đak Rong, Xã Krong, Xã Đak Pơ, Xã Ya Hội, Xã Kông Chro, Xã Ya Ma, Xã Chư Krey, Xã SRô, Xã Đak Song, Xã Chơ Long, Phường Ayun Pa, Xã Ia Rbol, Xã Ia Sao, Xã Phú Túc, Xã Ia Dreh, Xã Ia RSai, Xã Uar, Xã Phú Thiện, Xã Chư A Thai, Xã Ia Hiao, Xã Pờ Tỏ, Xã Ia Pa, Xã Ia Tul, Xã Chư Sê, Xã Bơ Ngoong, Xã Ia Ko, Xã Ai Bà, Xã Chư Puh, Xã Ia Le, Xã Ia Hru, Xã Đak Đoa, Xã Kon Gang, Xã Ia Bàng, Xã KĐang, Xã Đak Somei, Xã Mang Yang, Xã Lơ Pang, Xã Kon Chiêng, Xã Hra, Xã Ayun, Xã Đức Cơ, Xã Ia Dok, Xã Ia Krêl, Xã Ia Pnôn, Xã Ia Dom, Xã Ia Nan, Xã Chư Prông, Xã Bàu Cạn, Xã Ia Boong, Xã Ia Lầu, Xã Ia Pia, Xã Ia Tờr, Xã Ia Púch, Xã Ia Mơ, Phường Pleiku, Phường Hồi Phú, Phường Thống Nhất, Phường Diên Hồng, Phường An Phú, Xã Biển Hồ, Xã Gào, Xã Ia Grai, Xã Ia Krát, Xã Ia Hrun, Xã Ia Chia, Xã Ia O, Xã Ia Ly, Xã Chư Păh, Xã Ia Khuol, Xã Ia Phi, Xã Ea Wêr, Xã Ea Nuol, Xã Bươn Đôn, Xã Ea Kiết, Xã Ea M'Droh, Xã Quảng Phú, Xã Cuố Đàng, Xã Cư M'gar, Xã Ea Tul, Xã Ea Súp, Xã Ea Rôk, Xã Ea Bung, Xã Ia Rvê, Xã Ia Lốp, Phường Buôn Hồ, Phường Cư Bao, Xã Ea Drông, Xã Krông Năng, Xã Diê Ya, Xã Tam Giang, Xã Phú Xuân, Xã Ea Khăl, Xã Ea Drăng, Xã Ea Wy, Xã Ea H'Leo, Xã Ea Hiao, Xã Pong Drang, Xã Krông Búk, Xã Cư Pong, Xã Liên Sơn Lắc, Xã Đak Liêng, Xã Nam Ka, Xã Đak Phơn, Xã Krông Nô, Xã Hòa Sơn, Xã Dang Kang, Xã Krông Bông, Xã Yang Mao, Xã Cư Pui, Phường Buôn Ma Thuột, Phường Tân An, Phường Tân Lập, Phường Thành Nhất, Phường Ea Kao, Xã Hòa Phú, Xã Ea Na, Xã Dư Kmăl, Xã Krông Ana, Xã Ea Ning, Xã Dray Bhang, Xã Ea Ktur, Xã Ea Kar, Xã Ea Ô, Xã Ea Knốp, Xã Cư Yang, Xã Ea Păi, Xã Krông Pắc, Xã Ea Knuêc, Xã Tân Tiến, Xã Ea Phê, Xã Ea Kly, Xã Vu Bôn, Xã M'Drăk, Xã Ea Riêng, Xã Cư M'ta, Xã Krông A, Xã Cư Pơ, Xã Ea Trang	THUẾ TỈNH GIA LAI	1056502	Thuế Tỉnh Gia Lai 02	2011	Kho bạc Nhà nước khu vực XV - Phòng Kế toán Nhà nước
35	66	Tỉnh Đắk Lắk	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Ea Wêr, Xã Ea Nuol, Xã Bươn Đôn, Xã Ea Kiết, Xã Ea M'Droh, Xã Quảng Phú, Xã Cuố Đàng, Xã Cư M'gar, Xã Ea Tul, Xã Ea Súp, Xã Ea Rôk, Xã Ea Bung, Xã Ia Rvê, Xã Ia Lốp, Phường Buôn Hồ, Phường Cư Bao, Xã Ea Drông, Xã Krông Năng, Xã Diê Ya, Xã Tam Giang, Xã Phú Xuân, Xã Ea Khăl, Xã Ea Drăng, Xã Ea Wy, Xã Ea H'Leo, Xã Ea Hiao, Xã Pong Drang, Xã Krông Búk, Xã Cư Pong, Xã Liên Sơn Lắc, Xã Đak Liêng, Xã Nam Ka, Xã Đak Phơn, Xã Krông Nô, Xã Hòa Sơn, Xã Dang Kang, Xã Krông Bông, Xã Yang Mao, Xã Cư Pui, Phường Buôn Ma Thuột, Phường Tân An, Phường Tân Lập, Phường Thành Nhất, Phường Ea Kao, Xã Hòa Phú, Xã Ea Na, Xã Dư Kmăl, Xã Krông Ana, Xã Ea Ning, Xã Dray Bhang, Xã Ea Ktur, Xã Ea Kar, Xã Ea Ô, Xã Ea Knốp, Xã Cư Yang, Xã Ea Păi, Xã Krông Pắc, Xã Ea Knuêc, Xã Tân Tiến, Xã Ea Phê, Xã Ea Kly, Xã Vu Bôn, Xã M'Drăk, Xã Ea Riêng, Xã Cư M'ta, Xã Krông A, Xã Cư Pơ, Xã Ea Trang	THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK	1055364	Thuế tỉnh Đắk Lắk 01	2961	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Nghiệp vụ 2

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/độc khu	Tên xã/phường/độc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
36	66	Tỉnh Đắk Lắk	Mã tương ứng với xã/phường/độc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Tây Hòa, Xã Hòa Thịnh, Xã Hòa Mỹ, Xã Sơn Thành, Xã Ea Ly, Xã Ea Bà, Xã Đức Bình, Xã Sông Hinh, Xã Sơn Hòa, Xã Vân Hòa, Xã Tây Sơn, Xã Suối Trai, Xã Phú Hòa 1, Xã Phú Hòa 2, Phường Tuy Hòa, Phường Phú Yên, Phường Bình Kiến, Phường Đồng Hòa, Phường Hòa Hiệp, Xã Hòa Xuân, Xã Tuy An Đông, Xã Tuy An Tây, Xã Tuy An Nam, Xã Tuy An Bắc, Xã Ô Loan, Xã Xuân Lãnh, Xã Phú Mỹ, Xã Xuân Phước, Xã Đồng Xuân, Phường Xuân Đài, Phường Sông Cầu, Xã Xuân Thọ, Xã Xuân Cảnh, Xã Xuân Lộc	THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK	1056106	Thuế tỉnh Đắk Lắk 02	2961	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Nghiệp vụ 2
37	56	Tỉnh Khánh Hòa	Mã tương ứng với xã/phường/độc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Diên Khánh, Xã Diên Lạc, Xã Diên Điện, Xã Diên Lâm, Xã Diên Thọ, Xã Suối Hiệp, Xã Khánh Vĩnh, Xã Nam Khánh Vĩnh, Xã Tây Khánh Vĩnh, Xã Trung Khánh Vĩnh, Xã Bắc Khánh Vĩnh, Phường Nha Trang, Phường Bắc Nha Trang, Phường Tây Nha Trang, Phường Nam Nha Trang, Xã Cam Lâm, Xã Suối Dầu, Phường Ninh Hòa, Xã Bắc Ninh Hòa, Xã Tân Định, Phường Đồng Ninh Hòa, Phường Hòa Thắng, Xã Nam Ninh Hòa, Xã Tây Ninh Hòa, Xã Hòa Tri, Xã Vạn Ninh, Xã Tu Bồng, Xã Vạn Thắng, Xã Đại Lãnh, Xã Vạn Hưng, Phường Cam Ranh, Phường Bắc Cam Ranh, Phường Cam Linh, Phường Ba Ngòi, Xã Nam Cam Ranh, Xã Cam Hiệp, Xã Cam An, Xã Khánh Sơn, Xã Tây Khánh Sơn, Xã Đồng Khánh Sơn, Đặc khu Trường Sa	THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA	1056198	Thuế Tỉnh Khánh Hòa 01	2061	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước
38	56	Tỉnh Khánh Hòa	Mã tương ứng với xã/phường/độc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Ninh Phước, Xã Phước Hữu, Xã Phước Hậu, Xã Thuận Nam, Xã Cà Ná, Xã Phước Hà, Xã Phước Dinh, Phường Phan Rang, Phường Đồng Hải, Phường Bảo An, Phường Đồ Vinh, Phường Ninh Chữ, Xã Ninh Hải, Xã Xuân Hải, Xã Vĩnh Hải, Xã Thuận Bắc, Xã Công Hải, Xã Ninh Sơn, Xã Lâm Sơn, Xã Anh Dũng, Xã Mỹ Sơn, Xã Bắc Ái Đông, Xã Bắc Ái, Xã Bắc Ái Tây	THUẾ TỈNH KHÁNH HÒA	1054221	Thuế Tỉnh Khánh Hòa 02	2061	Kho bạc Nhà nước khu vực XIV - Phòng Kế toán Nhà nước
39	68	Tỉnh Lâm Đồng	Mã tương ứng với xã/phường/độc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường 1 Bảo Lộc, Phường 2 Bảo Lộc, Phường 3 Bảo Lộc, Phường B'Lao, Xã Bảo Lâm 1, Xã Bảo Lâm 2, Xã Bảo Lâm 3, Xã Bảo Lâm 4, Xã Bảo Lâm 5, Xã Di Linh, Xã Hòa Ninh, Xã Hòa Bắc, Xã Đinh Trang Thượng, Xã Bảo Thuận, Xã Sơn Diên, Xã Gia Hiệp, Xã Đa Huoai, Xã Đa Huoai 2, Xã Đa Huoai 3, Xã Đa Têh, Xã Đa Têh 2, Xã Đa Têh 3, Xã Cát Tiên, Xã Cát Tiên 2, Xã Cát Tiên 3, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Phường Cam Ly - Đà Lạt, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Phường Xuân Trường - Đà Lạt, Phường Lang Biang - Đà Lạt, Xã Lạc Dương, Xã Hiệp Thanh, Xã Đức Trọng, Xã Tân Hội, Xã Ninh Gia, Xã Tân Hine, Xã Tân Nang, Xã Đơn Dương, Xã Ka Đô, Xã Quảng Lập, Xã D'Ran, Xã Đinh Văn Lâm Hà, Xã Phú Sơn Lâm Hà, Xã Nam Hà Lâm Hà, Xã Nam Ban Lâm Hà, Xã Tân Hà Lâm Hà, Xã Phúc Thọ Lâm Hà, Xã Đam Rông 1, Xã Đam Rông 2, Xã Đam Rông 3, Xã Đam Rông 4	THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG	1055983	Thuế tỉnh Lâm Đồng 01	2861	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI
40	68	Tỉnh Lâm Đồng	Mã tương ứng với xã/phường/độc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Cư Jút, Xã Đắk Wil, Xã Nam Dong, Xã Krông Nô, Xã Nam Đà, Xã Nâm Nung, Xã Quảng Phú, Xã Đức Lập, Xã Đắk Mil, Xã Thuận An, Xã Đắk Sắk, Xã Đức An, Xã Đắk Song, Xã Thuận Hạnh, Xã Trường Xuân, Xã Kiên Đức, Xã Nhân Cơ, Xã Quảng Tín, Xã Quảng Trục, Xã Tuy Đức, Xã Quảng Tân, Phường Bắc Gia Nghĩa, Phường Nam Gia Nghĩa, Phường Đồng Gia Nghĩa, Xã Quảng Sơn, Xã Quảng Hòa, Xã Quảng Khê, Xã Tân Đồng	THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG	1059640	Thuế tỉnh Lâm Đồng 02	2861	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
41	68	Tỉnh Lâm Đồng	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Hàm Thắng, Phường Bình Thuận, Phường Mũi Né, Phường Phú Thủy, Phường Phan Thiết, Phường Tiến Thành, Xã Tuyên Quang, Xã Hàm Thạnh, Xã Hàm Kiệm, Xã Tân Thành, Xã Hàm Thuận Nam, Xã Tân Lập, Xã Đồng Giang, Xã La Da, Xã Hàm Thuận Bắc, Xã Hàm Thuận, Xã Hồng Sơn, Xã Hàm Liêm, Đặc khu Phú Quý, Xã Bắc Bình, Xã Hồng Thái, Xã Hải Ninh, Xã Phan Sơn, Xã Sông Lũy, Xã Lương Sơn, Xã Hòa Thắng, Xã Vĩnh Hào, Xã Liên Hương, Xã Tuy Phong, Xã Phan Rí Cửa, Phường La Gi, Phường Phước Hội, Xã Tân Hải, Xã Tân Minh, Xã Hàm Tân, Xã Sơn Mỹ, Xã Nam Thành, Xã Đức Linh, Xã Hoài Đức, Xã Trà Tân, Xã Nghi Đức, Xã Bắc Rừng, Xã Đông Kho, Xã Tân Linh, Xã Suối Ké	THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG	1054336	Thuế tỉnh Lâm Đồng 03	2861	Kho bạc Nhà nước khu vực XVI
42	80	Tỉnh Tây Ninh	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Long An, Phường Tân An, Phường Khánh Hậu, Xã Tâm Vu, Xã Thuận Mỹ, Xã An Lục Long, Xã Vĩnh Công, Xã Tân Trụ, Xã Vàm Cỏ, Xã Nhứt Táo, Xã Bến Lức, Xã Thanh Lợi, Xã Bình Đức, Xã Lương Hòa, Xã Mỹ Yên, Xã Thủ Thừa, Xã Mỹ An, Xã Mỹ Thạnh, Xã Tân Long, Xã Tân Thành, Xã Hậu Thạnh, Xã Nhơn Hòa Lập, Xã Nhơn Ninh, Xã Thanh Hóa, Xã Bình Thành, Xã Thanh Phước, Xã Tân Tây, Xã Mộc Hóa, Xã Bình Hòa, Phường Kiến Tường, Xã Tuyên Thạnh, Xã Bình Hiệp, Xã Vĩnh Hưng, Xã Tuyên Bình, Xã Khánh Hưng, Xã Tân Hưng, Xã Hưng Điền, Xã Vĩnh Thạnh, Xã Vĩnh Châu, Xã Đức Hòa, Xã An Ninh, Xã Hiệp Hòa, Xã Hậu Nghĩa, Xã Hòa Khánh, Xã Đức Lập, Xã Mỹ Hạnh, Xã Đức Huệ, Xã Mỹ Quý, Xã Đồng Thành, Xã Cần Giuộc, Xã Phước Lý, Xã Mỹ Lộc, Xã Phước Vĩnh Tây, Xã Tân Tập, Xã Cần Đức, Xã Long Cang, Xã Rach Kiến, Xã Mỹ Lễ, Xã Tân Lân, Xã Long Hựu	THUẾ TỈNH TÂY NINH	1054346	Thuế Tỉnh Tây Ninh 01	0511	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Kế toán Nhà nước
43	80	Tỉnh Tây Ninh	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Long Hòa, Phường Hòa Thành, Phường Thanh Điền, Phường Ninh Thạnh, Xã Dương Minh Châu, Xã Cầu Khởi, Xã Lộc Ninh, Xã Trường Mít, Phường Tân Ninh, Phường Bình Minh, Xã Châu Thành, Xã Hào Đức, Xã Ninh Điền, Xã Hòa Hội, Xã Phước Vĩnh, Phường Gò Dầu, Xã Thanh Đức, Xã Phước Thạnh, Phường Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Phường Gia Lộc, Xã Hưng Thuận, Xã Phước Chi, Xã Bến Cầu, Xã Long Thuận, Xã Long Chữ, Xã Tân Biên, Xã Tân Lập, Xã Thanh Bình, Xã Trà Vong, Xã Tân Châu, Xã Tân Đông, Xã Tân Phú, Xã Tân Hải, Xã Tân Thành, Xã Tân Hòa	THUẾ TỈNH TÂY NINH	1054232	Thuế Tỉnh Tây Ninh 02	0511	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Kế toán Nhà nước
44	75	Tỉnh Đồng Nai	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Xuân Định, Xã Xuân Phú, Xã Xuân Lộc, Xã Xuân Hòa, Xã Xuân Thành, Xã Xuân Bắc, Phường Bình Lộc, Phường Bảo Vinh, Phường Xuân Lập, Phường Long Khánh, Phường Hàng Gòn, Xã Xuân Quế, Xã Xuân Đường, Xã Cẩm Mỹ, Xã Sông Ray, Xã Xuân Đông, Phường Biên Hòa, Phường Trảng Bền, Phường Tam Hiệp, Phường Long Bình, Phường Trảng Dài, Phường Hồ Nai, Phường Long Hưng, Phường Phước Tấn, Phường Tam Phước, Xã Phú Lý, Xã Trị An, Xã Tân An, Phường Tân Triều, Xã La Ngà, Xã Định Quán, Xã Thanh Sơn, Xã Phú Vinh, Xã Phú Hòa, Xã Tà Lái, Xã Nam Cát Tiên, Xã Tân Phú, Xã Phú Lâm, Xã Đak Lua, Xã Phước Thái, Xã Long Phước, Xã Bình An, Xã Long Thành, Xã An Phước, Xã Đại Phước, Xã Nhơn Trạch, Xã Phước An, Xã An Viễn, Xã Bình Minh, Xã Trảng Bom, Xã Bàu Hào, Xã Hưng Thịnh, Xã Dầu Giây, Xã Gia Kiệm, Xã Thống Nhất	THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI	1054274	Thuế tỉnh Đồng Nai 01	1761	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)
45	75	Tỉnh Đồng Nai	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Bình Long, Phường An Lộc, Xã Tân Quan, Xã Tân Hưng, Xã Tân Khai, Xã Minh Đức, Phường Minh Hưng, Phường Chơn Thành, Xã Nha Bích, Phường Phước Bình, Phường Phước Long, Xã Bù Gia Mập, Xã Đắc O, Xã Phú Nghĩa, Xã Đa Kia, Xã Bình Tân, Xã Long Hà, Xã Phú Riềng, Xã Phú Trung, Xã Lộc Thành, Xã Lộc Ninh, Xã Lộc Hưng, Xã Lộc Tấn, Xã Lộc Thanh, Xã Lộc Quang, Xã Tân Tiến, Xã Thiện Hưng, Xã Hưng Phước, Phường Bình Phước, Phường Đồng Xoài, Xã Thuận Lợi, Xã Đồng Tâm, Xã Tân Lợi, Xã Đồng Phú, Xã Phước Sơn, Xã Nghĩa Trung, Xã Bù Đăng, Xã Thọ Sơn, Xã Đak Nhau, Xã Bóm Bó, Phường Thanh Đức, Phường Long Châu, Phường Phước Hậu, Phường Tân Hạnh, Phường Tân Ngãi, Xã An Bình, Xã Long Hồ, Xã Phú Quới, Phường Cái Vồn, Phường Bình Minh, Phường Đồng Thành, Xã Tân Quới, Xã Tân Lược, Xã Mỹ Thuận, Xã Lục Sĩ Thành, Xã Trà Ôn, Xã Trà Cỏn, Xã Vĩnh Xuân, Xã Hòa Bình, Xã Hòa Hiệp, Xã Tam Bình, Xã Ngãi Tứ, Xã Song Phú, Xã Cái Ngang, Xã Quới Thiện, Xã Trung Thành, Xã Trung Ngãi, Xã Quới An, Xã Trung Hiệp, Xã Hiếu Phụng, Xã Hiếu Thành, Xã Cái Nhum, Xã Tân Long Hội, Xã Nhơn Phú, Xã Bình Phước	THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI	1054270	Thuế tỉnh Đồng Nai 02	1761	Kho bạc Nhà nước khu vực XVII
46	86	Tỉnh Vĩnh Long	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Thanh Đức, Phường Long Châu, Phường Phước Hậu, Phường Tân Hạnh, Phường Tân Ngãi, Xã An Bình, Xã Long Hồ, Xã Phú Quới, Phường Cái Vồn, Phường Bình Minh, Phường Đồng Thành, Xã Tân Quới, Xã Tân Lược, Xã Mỹ Thuận, Xã Lục Sĩ Thành, Xã Trà Ôn, Xã Trà Cỏn, Xã Vĩnh Xuân, Xã Hòa Bình, Xã Hòa Hiệp, Xã Tam Bình, Xã Ngãi Tứ, Xã Song Phú, Xã Cái Ngang, Xã Quới Thiện, Xã Trung Thành, Xã Trung Ngãi, Xã Quới An, Xã Trung Hiệp, Xã Hiếu Phụng, Xã Hiếu Thành, Xã Cái Nhum, Xã Tân Long Hội, Xã Nhơn Phú, Xã Bình Phước	THUẾ TỈNH VĨNH LONG	1056115	Tỉnh Vĩnh Long 01	0711	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Nghiệp vụ 2
47	86	Tỉnh Vĩnh Long	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Thới Thuận, Xã Thạnh Phước, Xã Bình Đại, Xã Thạnh Trại, Xã Lộc Thuận, Xã Châu Hưng, Xã Phú Thuận, Xã Tân Thủy, Xã Bảo Thành, Xã Ba Trại, Xã Tân Xuân, Xã Mỹ Chánh Hòa, Xã An Ngãi Trung, Xã An Hiệp, Xã Hưng Nhượng, Xã Giồng Trôm, Xã Tân Hào, Xã Phước Long, Xã Lương Phú, Xã Châu Hòa, Xã Lương Hòa, Phường An Hội, Phường Phú Khương, Phường Bến Tre, Phường Sơn Đông, Phường Phú Tân, Xã Phú Túc, Xã Giao Long, Xã Tiên Thủy, Xã Tân Phú, Xã Phú Phụng, Xã Chợ Lách, Xã Vĩnh Thành, Xã Hưng Khánh Trung, Xã Phước Mỹ Trung, Xã Tân Thành Bình, Xã Nhuận Phú Tân, Xã Đồng Khởi, Xã Mỏ Cày, Xã Thành Thới, Xã An Định, Xã Hương Mỹ, Xã Đại Điền, Xã Quới Điền, Xã Thanh Phú, Xã An Quới, Xã Thanh Hải, Xã Thanh Phong	THUẾ TỈNH VĨNH LONG	1056267	Tỉnh Vĩnh Long 02	0711	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Nghiệp vụ 2
48	86	Tỉnh Vĩnh Long	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Càng Long, Xã An Trường, Xã Tân An, Xã Nhị Long, Xã Bình Phú, Xã Cầu Kè, Xã Phong Thạnh, Xã An Phú Tân, Xã Tam Ngãi, Phường Long Đức, Phường Trà Vinh, Phường Nguyệt Hóa, Phường Hòa Thuận, Xã Châu Thành, Xã Song Lộc, Xã Hưng Mỹ, Xã Hòa Minh, Xã Long Hòa, Xã Tân Hòa, Xã Hùng Hòa, Xã Tiểu Cần, Xã Tập Ngãi, Xã Lưu Nghiệp Anh, Xã Đại An, Xã Hàm Giang, Xã Trà Cú, Xã Long Hiệp, Xã Tập Sơn, Xã Đồn Châu, Phường Duyên Hải, Phường Trường Long Hòa, Xã Long Hữu, Xã Long Thành, Xã Ngũ Lạc, Xã Đồng Hải, Xã Long Vĩnh, Xã Mỹ Long, Xã Vĩnh Kim, Xã Cầu Ngang, Xã Nhị Trùng, Xã Hiền Mỹ	THUẾ TỈNH VĨNH LONG	1054287	Tỉnh Vĩnh Long 03	0711	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Nghiệp vụ 2

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
49	82	Tỉnh Đồng Tháp	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Mỹ Phước Tây, Phường Thanh Hòa, Phường Cai Lay, Phường Nhị Quý, Xã Tân Phú, Xã Bình Phú, Xã Hiệp Đức, Xã Ngũ Hiệp, Xã Long Tiến, Xã Mỹ Thành, Xã Thanh Phú, Xã Tân Phước 1, Xã Tân Phước 2, Xã Tân Phước 3, Xã Hưng Thạnh, Xã Thanh Hưng, Xã An Hữu, Xã Mỹ Lợi, Xã Mỹ Đức Tây, Xã Mỹ Thiện, Xã Hậu Mỹ, Xã Hội Cư, Xã Cai Bè, Xã Mỹ Tịnh An, Xã Lương Hòa Lạc, Xã Tân Thuận Bình, Xã Chợ Gạo, Xã An Thạnh Thủy, Xã Bình Ninh, Xã Tân Hương, Xã Châu Thành, Xã Long Hưng, Xã Long Định, Xã Vĩnh Kim, Xã Kim Sơn, Xã Bình Trung, Xã Vĩnh Bình, Xã Đồng Sơn, Xã Phú Thành, Xã Long Bình, Xã Vĩnh Hựu, Phường Mỹ Tho, Phường Đạo Thạnh, Phường Mỹ Phong, Phường Thới Sơn, Phường Trung An, Phường Gò Công, Phường Long Thuận, Phường Sơn Qui, Phường Bình Xuân, Xã Gò Công Đông, Xã Tân Diên, Xã Tân Đông, Xã Tân Hòa, Xã Gia Thuận, Xã Tân Phú Đông, Xã Tân Thới	THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP	1056205	Thuế Tỉnh Đồng Tháp 01	0561	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Nghiệp vụ 2
50	82	Tỉnh Đồng Tháp	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Cao Lãnh, Phường Mỹ Trà, Phường Mỹ Ngát, Xã Thanh Bình, Xã Tân Thành, Xã Bình Thành, Xã Tân Long, Xã An Long, Phường Sa Đéc, Xã Tân Dương, Xã Phú Hựu, Xã Tân Nhuận Đông, Xã Tân Phú Trung, Phường Hồng Ngự, Phường Thường Lạc, Phường An Bình, Xã Thường Phước, Xã Long Khánh, Xã Long Phú Thuận, Xã An Hòa, Xã Tam Nông, Xã Phú Thọ, Xã Trâm Chim, Xã Phú Cường, Xã Tân Hồng, Xã Tân Thành, Xã Tân Hộ Cơ, Xã An Phước, Xã Tháp Mười, Xã Thanh Mỹ, Xã Mỹ Quý, Xã Đốc Bình Kiều, Xã Trường Xuân, Xã Phương Thịnh, Xã Phong Mỹ, Xã Ba Sao, Xã Mỹ Thọ, Xã Bình Hàng Trung, Xã Mỹ Hiệp, Xã Lấp Vò, Xã Mỹ An Hưng, Xã Tân Khánh Trung, Xã Lai Vung, Xã Hòa Long, Xã Phong Hòa	THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP	1055879	Thuế Tỉnh Đồng Tháp 02	0561	Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII - Phòng Nghiệp vụ 2
51	91	Tỉnh An Giang	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Hà Tiên, Phường Tô Châu, Xã Tiên Hải, Xã Giang Thành, Xã Vĩnh Diệu, Phường Vĩnh Thông, Phường Rạch Giá, Đặc khu Kiên Hải, Đặc khu Phú Quốc, Đặc khu Thổ Châu, Xã Bình Giang, Xã Bình Sơn, Xã Hòn Đất, Xã Sơn Kiên, Xã Mỹ Thuận, Xã Hòa Diên, Xã Kiên Lương, Xã Hòn Nghệ, Xã Sơn Hải, Xã Thanh Lộc, Xã Châu Thành, Xã Bình An, Xã Thanh Đông, Xã Tân Hội, Xã Tân Hiệp, Xã Giồng Riềng, Xã Thanh Hưng, Xã Long Thành, Xã Hòa Hưng, Xã Ngọc Chúc, Xã Hòa Thuận, Xã Định Hòa, Xã Gò Quao, Xã Vĩnh Hòa Hưng, Xã Vĩnh Tuy, Xã Tây Yên, Xã Đông Thái, Xã An Biên, Xã Đông Hòa, Xã Tân Thành, Xã Đồng Hưng, Xã An Minh, Xã Văn Khánh, Xã Vĩnh Bình, Xã Vĩnh Thuận, Xã Vĩnh Phong, Xã Vĩnh Hòa, Xã U Minh Thumau	Thuế tỉnh An Giang	1056419	Thuế Tỉnh An Giang 01	0811	Kho bạc Nhà nước khu vực XX - Phòng Kế toán Nhà nước
52	91	Tỉnh An Giang	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Long Xuyên, Phường Bình Đức, Phường Mỹ Thới, Xã Mỹ Hòa Hưng, Xã An Châu, Xã Bình Hòa, Xã Cần Đăng, Xã Vĩnh Hanh, Xã Vĩnh An, Xã Thoại Sơn, Xã Ôc Eo, Xã Định Mỹ, Xã Phú Hòa, Xã Vĩnh Trạch, Xã Tây Phú, Phường Châu Đốc, Phường Vĩnh Tế, Xã Mỹ Đức, Xã Vĩnh Thanh Trung, Xã Châu Phú, Xã Bình Mỹ, Xã Thanh Mỹ Tây, Xã Cù Lao Giêng, Xã Hội An, Xã Long Diên, Xã Chợ Mới, Xã Nhơn Mỹ, Xã Long Kiên, Xã Phú Tân, Xã Phú An, Xã Bình Thạnh Đông, Xã Chợ Vàm, Xã Hòa Lạc, Xã Phú Lâm, Phường Tân Châu, Phường Long Phú, Xã Tân An, Xã Châu Phong, Xã Vĩnh Xương, Xã An Phú, Xã Vĩnh Hậu, Xã Nhơn Hội, Xã Khánh Bình, Xã Phú Hữu, Phường Thới Sơn, Phường Tịnh Biên, Xã An Cư, Phường Chi Lăng, Xã Núi Cấm, Xã Ba Chúc, Xã Trĩ Tôn, Xã Ô Lâm, Xã Cỏ Lạ, Xã Vĩnh Cua	Thuế tỉnh An Giang	1055962	Thuế Tỉnh An Giang 02	0811	Kho bạc Nhà nước khu vực XX - Phòng Kế toán Nhà nước

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD					Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê tương ứng với tỉnh	Tên Tỉnh/Thành phố	Mã Cục Thống kê tương ứng với xã/phường/đặc khu	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu (dự kiến thay đổi)	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
53	92	Thành phố Cần Thơ	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Thanh Phú, Xã Thới Hưng, Xã Cờ Đỏ, Xã Đông Hiệp, Xã Trung Hưng, Xã Thới Lai, Xã Đông Thuận, Xã Trường Xuân, Xã Trường Thành, Phường Trung Nhứt, Phường Thốt Nốt, Phường Thuận Hưng, Phường Tân Lộc, Xã Vĩnh Thạnh, Xã Thanh Quới, Xã Vĩnh Trinh, Xã Thạnh An, Phường Cái Răng, Phường Hưng Phú, Xã Nhơn Ái, Xã Phong Điền, Xã Trường Long, Phường Ninh Kiều, Phường Cái Khế, Phường Tân An, Phường An Bình, Phường Bình Thủy, Phường Long Xuyên, Phường Thới An Đông, Phường Thới Long, Phường Phước Thới, Phường Ô Môn	THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ	1055283	Thuế Thành phố Cần Thơ 01	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước
54	92	Thành phố Cần Thơ	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Phú Tâm, Xã An Ninh, Xã Thuận Hòa, Xã Hồ Đắc Kiên, Xã Mỹ Tú, Xã Long Hưng, Xã Mỹ Phước, Xã Mỹ Hương, Xã Nhơn Mỹ, Xã Phong Nam, Xã An Lạc Thôn, Xã Kế Sách, Xã Thới An Hội, Xã Đại Hải, Xã Trường Khánh, Xã Đại Ngãi, Xã Tân Thành, Xã Long Phú, Xã Cù Lao Dung, Xã An Thạnh, Xã Trần Đề, Xã Thanh Thới An, Xã Tài Văn, Xã Liêu Tú, Xã Lịch Hội Thượng, Xã Tân Long, Xã Phú Lộc, Xã Vĩnh Lợi, Xã Lâm Tân, Phường Ngã Năm, Phường Mỹ Quới, Phường Sóc Trăng, Phường Phú Lợi, Phường Mỹ Xuyên, Xã Hòa Tú, Xã Gia Hòa, Xã Nhu Gia, Xã Ngọc Tỏ, Phường Vĩnh Châu, Phường Khánh Hòa, Phường Vĩnh Phước, Xã Vĩnh Hải, Xã Lai Hòa	THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ	1055898	Thuế Thành phố Cần Thơ 02	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước
55	92	Thành phố Cần Thơ	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Phường Vị Thanh, Phường Vị Tân, Xã Hóa Lưu, Xã Vị Thủy, Xã Vĩnh Thuận Đông, Xã Vị Thanh 1, Xã Vĩnh Tường, Phường Long Mỹ, Phường Long Phú 1, Phường Long Bình, Xã Vĩnh Viễn, Xã Lương Tâm, Xã Xã Phấn, Phường Ngã Bảy, Phường Đại Thành, Xã Tân Bình, Xã Hòa An, Xã Phương Bình, Xã Tân Phước Hưng, Xã Hiệp Hưng, Xã Phụng Hiệp, Xã Thạnh Hòa, Xã Thanh Xuân, Xã Tân Hòa, Xã Trường Long Tây, Xã Châu Thành, Xã Đông Phước, Xã Phú Hữu	THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ	1007206	Thuế Thành phố Cần Thơ 03	0861	Kho bạc Nhà nước khu vực XIX - Phòng Kế toán Nhà nước
56	96	Tỉnh Cà Mau	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Đất Mới, Xã Năm Căn, Xã Tam Giang, Xã Phan Ngọc Hiền, Xã Đất Mũi, Xã Tân An, Phường An Xuyên, Phường Lý Văn Lâm, Phường Tân Thành, Phường Hòa Thành, Xã Tân Thuận, Xã Tân Tiến, Xã Tạ An Khương, Xã Trần Phán, Xã Thanh Tú, Xã Đầm Dơi, Xã Quách Phẩm, Xã Lương Thế Trân, Xã Tân Hưng, Xã Hưng Mỹ, Xã Cái Nước, Xã Cái Đôi Vàm, Xã Nguyễn Việt Khái, Xã Phú Tân, Xã Phú Mỹ, Xã Khánh Bình, Xã Đá Bạc, Xã Khánh Hưng, Xã Sông Đốc, Xã Trần Văn Thời, Xã Thới Bình, Xã Trĩ Phái, Xã Tân Lộc, Xã Biển Bạch, Xã Hồ Thị Kỳ, Xã U Minh, Xã Nguyễn Phích, Xã Khánh Lâm, Xã Khánh An	THUẾ TỈNH CÀ MAU	1056200	Thuế tỉnh Cà Mau 01	0961	Kho bạc Nhà nước khu vực XX - Phòng Nghiệp vụ 2
57	96	Tỉnh Cà Mau	Mã tương ứng với xã/phường/đặc khu chi tiết tại Phụ lục 2	Xã Vĩnh Mỹ, Xã Vĩnh Hào, Xã Hòa Bình, Xã Vĩnh Lợi, Xã Hưng Hải, Xã Châu Thới, Phường Bạc Liêu, Phường Vĩnh Trạch, Phường Hiệp Thành, Phường Giá Rai, Phường Láng Tròn, Xã Phong Thạnh, Xã Cành Hào, Xã Định Thành, Xã An Trạch, Xã Long Điền, Xã Đông Hải, Xã Phước Long, Xã Vĩnh Phước, Xã Phong Hiệp, Xã Vĩnh Thạnh, Xã Hồng Dân, Xã Vĩnh Lộc, Xã Ninh Thạnh Lợi, Xã Ninh Quới	THUẾ TỈNH CÀ MAU	1056047	Thuế tỉnh Cà Mau 02	0961	Kho bạc Nhà nước khu vực XX - Phòng Nghiệp vụ 2

Lưu ý: Đối với thông tin địa bàn hành chính (ĐBHC) khi NNT thực hiện lập chứng từ nộp NSNN là thông tin ĐBHC nơi phát sinh khoản thu đến cấp xã/phường/đặc khu (trừ khoản thu của Nhà cung cấp nước ngoài do Chi cục Thuế thương mại điện tử quản lý thu

Phục lục II
DANH SÁCH CƠ QUAN THUẾ, KHO BẠC NHÀ NƯỚC, CƠ QUAN THU, ĐỊA BÀN THU ĐỐI VỚI NNT DO
THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, TỈNH BẮC NINH, TỈNH LẠNG SƠN QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Công văn số **4334**/CT-CDS ngày **10** /10/2025 của Cục Thuế)

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	01	Thành phố Hà Nội		Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội		
1	09574		Phường Sơn Tây	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
2	09604		Phường Tùng Thiện	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
3	09616		Xã Đoài Phương	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
4	09739		Xã Phúc Lộc	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0038	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
5	09715		Xã Phúc Thọ	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0038	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
6	09772		Xã Hát Môn	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0038	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
7	09661		Xã Minh Châu	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
8	09619		Xã Quảng Oai	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
9	09664		Xã Vật Lại	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
10	09634		Xã Cổ Đô	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
11	09676		Xã Bát Bạt	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
12	09694		Xã Suối Hai	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
13	09700		Xã Ba Vì	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
14	09706		Xã Yên Bái	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
15	09784		Xã Đan Phượng	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
16	09817		Xã Ô Diên	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
17	09787		Xã Liên Minh	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
18	00475		Xã Thư Lâm	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
19	00454		Xã Đồng Anh	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
20	00466		Xã Phúc Thịnh	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
119	00634		Phường Tây Mỗ	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0026	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
120	00637		Phường Đại Mỗ	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
121	00103		Phường Tây Hồ	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0023	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
122	00091		Phường Phú Thượng	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0023	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
123	00097		Phường Hồng Hà	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0013	Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
124	00367		Phường Thanh Xuân	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
125	00364		Phường Khương Đình	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
126	00352		Phường Phương Liệt	Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội	0022	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
	79	Thành phố Hồ Chí Minh		THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01		
1	27487		Phường Tân Mỹ	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
2	27475		Phường Tân Hưng	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
3	27478		Phường Tân Thuận	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
4	27484		Phường Phú Thuận	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
5	27655		Xã Nhà Bè	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
6	27658		Xã Hiệp Phước	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0130	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
7	27667		Xã Bình Khánh	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0128	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
8	27664		Xã Cần Giờ	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0128	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
9	27673		Xã An Thới Đông	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0128	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
10	27676		Xã Thạnh An	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0128	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
11	27373		Phường Bình Tiên	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0114	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
12	27367		Phường Bình Tây	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0114	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
13	27364		Phường Bình Phú	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0114	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
14	27349		Phường Phú Lâm	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0114	Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
15	27211		Phường Hòa Bình	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1056137	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 01	0112	Phòng Giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước khu vực II

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/dặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
158	26590		Xã Bình Giả	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0140	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
159	26608		Xã Kim Long	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0140	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
160	26596		Xã Châu Đức	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0140	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
161	26584		Xã Xuân Sơn	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0140	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
162	26617		Xã Nghĩa Thành	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0140	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
163	26506		Phường Vũng Tàu	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0141	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
164	26526		Phường Tam Thẳng	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0141	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
165	26536		Phường Rach Dưa	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0141	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
166	26542		Phường Phước Thắng	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0141	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
167	26545		Xã Long Sơn	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0141	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
168	26732		Đặc khu Côn Đảo	THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	1054370	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh 03	0141	Phòng Giao dịch số 15 - Kho bạc Nhà nước khu vực II
	24	Tỉnh Bắc Ninh		THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01		
1	07777		Phường Việt Yên	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1161	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước
2	07774		Phường Tư Lạn	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1161	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước
3	07795		Phường Nénh	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1161	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước
4	07798		Phường Vân Hà	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1161	Kho bạc Nhà nước khu vực VI - Phòng Kế toán Nhà nước
5	07840		Xã Hiệp Hòa	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
6	07870		Xã Xuân Cầm	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
7	07864		Xã Hợp Thịnh	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
8	07822		Xã Hoàng Văn	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
9	07339		Xã Tân Yên	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
10	07351		Xã Ngọc Thiệp	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
11	07306		Xã Nhã Nam	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
12	07330		Xã Phúc Hòa	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054115	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 01	1170	Phòng Giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
84	09208		Xã Tam Đa	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1174	Phòng Giao dịch số 5 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
85	09400		Phường Thuận Thành	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
86	09409		Phường Mão Điền	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
87	09430		Phường Trại Lồ	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
88	09427		Phường Trí Quả	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
89	09433		Phường Song Liễu	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
90	09445		Phường Ninh Xá	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
91	09454		Xã Gia Bình	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
92	09475		Xã Nhân Thắng	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
93	09469		Xã Đại Lai	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
94	09466		Xã Cao Đức	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
95	09487		Xã Đông Cứu	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
96	09496		Xã Lương Tài	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
97	09529		Xã Lâm Thao	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
98	09523		Xã Trung Chính	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
99	09499		Xã Trung Kênh	THUẾ TỈNH BẮC NINH	1054024	Thuế Tỉnh Bắc Ninh 02	1173	Phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
20		Tỉnh Lạng Sơn		THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn		
1	06463		Xã Chi Lăng	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
2	06517		Xã Quan Sơn	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
3	06481		Xã Chiên Thắng	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
4	06496		Xã Nhân Lý	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
5	06475		Xã Bằng Mạc	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
6	06505		Xã Vạn Linh	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI
7	06385		Xã Hữu Lũng	THUẾ TỈNH LẠNG SƠN	1055009	Thuế Tỉnh Lạng Sơn	2412	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực VI

Phụ lục III
DANH SÁCH CƠ QUAN THUẾ, KHO BẠC NHÀ NƯỚC, CƠ QUAN THU, ĐỊA BÀN THU ĐỐI VỚI KHOẢN THU CỦA NNT
ĐO CHỈ CỤC THUẾ DOANH NGHIỆP LỚN, CHỈ CỤC THUẾ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Công văn số **4334**/CT-CĐS ngày **10/10/2025** của Cục Thuế)

STT	Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD			KBNN	
		Mã cơ quan th	Tên cơ quan thu	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn	1131367	Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn	- Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Lạng Sơn: chi tiết tương tự Phụ lục III - Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại các tỉnh/thành phố khác (trừ Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Lạng Sơn): là địa bàn hành chính xã/phường/đặc khu chi tiết tương ứng Phụ lục II			- Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Lạng Sơn: chi tiết tương tự Phụ lục III - Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại các tỉnh/thành phố khác (trừ Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Lạng Sơn): là KBNN khu vực tương ứng cấp tỉnh chi tiết tương tự Phụ lục I	
2	Chi cục Thuế Thương mại điện tử	3034411	Chi cục Thuế Thương mại điện tử	- Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Lạng Sơn: chi tiết tương tự Phụ lục III - Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại các tỉnh/thành phố khác (trừ Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Lạng Sơn): là địa bàn hành chính xã/phường/đặc khu chi tiết tương ứng Phụ lục II			- Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Lạng Sơn: chi tiết tương tự Phụ lục III - Đối với NNT phát sinh hoạt động SXKD tại các tỉnh/thành phố khác (trừ Hà Nội, Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Lạng Sơn): là KBNN khu vực tương ứng cấp tỉnh chi tiết tương tự Phụ lục I	

Lưu ý:

- Đối với thông tin địa bàn hành chính (ĐBHC) khi NNT thực hiện lập chứng từ nộp NSNN là thông tin ĐBHC nơi phát sinh khoản thu đến cấp xã/phường/đặc khu (trừ khoản thu của Nhà cung cấp nước ngoài do Chi cục Thuế thương mại điện tử quản lý thu).
- Thời điểm áp dụng: từ 01/9/2025

Phụ lục IV
DANH SÁCH CƠ QUAN THUẾ, KHO BẠC NHÀ NƯỚC, CƠ QUAN THU, ĐỊA BÀN THU ĐỐI VỚI NNT DO THUẾ CƠ SỞ QUẢN LÝ
(350 THUẾ CƠ SỞ, 3321 CƠ QUAN THU)

(Ban hành kèm theo Công văn số ~~4334~~ /CT-CĐS ngày 10/10/2025 của Cục Thuế)

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	01	Thành phố Hà Nội		Thuế Thành phố Hà Nội	1054449	Thuế Thành phố Hà Nội		
1	09574		Phường Sơn Tây	Thuế cơ sở 16 thành phố Hà Nội	1140759	Phường Sơn Tây - Thuế cơ sở 16 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
2	09604		Phường Tùng Thiện	Thuế cơ sở 16 thành phố Hà Nội	1140760	Phường Tùng Thiện - Thuế cơ sở 16 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
3	09616		Xã Đoài Phương	Thuế cơ sở 16 thành phố Hà Nội	1140761	Xã Đoài Phương - Thuế cơ sở 16 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
4	09739		Xã Phúc Lộc	Thuế cơ sở 25 thành phố Hà Nội	1140762	Xã Phúc Lộc - Thuế cơ sở 25 Thành phố Hà Nội	0038	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
5	09715		Xã Phúc Thọ	Thuế cơ sở 25 thành phố Hà Nội	1140763	Xã Phúc Thọ - Thuế cơ sở 25 Thành phố Hà Nội	0038	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
6	09772		Xã Hát Môn	Thuế cơ sở 25 thành phố Hà Nội	1140764	Xã Hát Môn - Thuế cơ sở 25 Thành phố Hà Nội	0038	Phòng Giao dịch số 12 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
7	09661		Xã Minh Châu	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140765	Xã Minh Châu - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
8	09619		Xã Quảng Oai	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140766	Xã Quảng Oai - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
9	09664		Xã Vật Lại	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140767	Xã Vật Lại - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
10	09634		Xã Cổ Đô	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140768	Xã Cổ Đô - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
11	09676		Xã Bát Bạt	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140769	Xã Bát Bạt - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
12	09694		Xã Suối Hai	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140770	Xã Suối Hai - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
13	09700		Xã Ba Vì	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140771	Xã Ba Vì - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
14	09706		Xã Yên Bái	Thuế cơ sở 17 thành phố Hà Nội	1140772	Xã Yên Bái - Thuế cơ sở 17 Thành phố Hà Nội	0033	Phòng Giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
15	09784		Xã Đan Phượng	Thuế cơ sở 24 thành phố Hà Nội	1140773	Xã Đan Phượng - Thuế cơ sở 24 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
16	09817		Xã Ô Diên	Thuế cơ sở 24 thành phố Hà Nội	1140840	Xã Ô Diên - Thuế cơ sở 24 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
17	09787		Xã Liên Minh	Thuế cơ sở 24 thành phố Hà Nội	1140841	Xã Liên Minh - Thuế cơ sở 24 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
18	00475		Xã Thư Lâm	Thuế cơ sở 10 thành phố Hà Nội	1140842	Xã Thư Lâm - Thuế cơ sở 10 Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
19	00454		Xã Đông Anh	Thuế cơ sở 10 thành phố Hà Nội	1140843	Xã Đông Anh - Thuế cơ sở 10 Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
20	00466		Xã Phúc Thịnh	Thuế cơ sở 10 thành phố Hà Nội	1140844	Xã Phúc Thịnh - Thuế cơ sở 10 Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	00493		Xã Thiên Lộc	Thuế cơ sở 10 thành phố Hà Nội	1140845	Xã Thiên Lộc - Thuế cơ sở 10 Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
22	00508		Xã Vĩnh Thanh	Thuế cơ sở 10 thành phố Hà Nội	1140846	Xã Vĩnh Thanh - Thuế cơ sở 10 Thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
23	00565		Xã Gia Lâm	Thuế cơ sở 12 thành phố Hà Nội	1140847	Xã Gia Lâm - Thuế cơ sở 12 Thành phố Hà Nội	0024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
24	00562		Xã Thuận An	Thuế cơ sở 12 thành phố Hà Nội	1140848	Xã Thuận An - Thuế cơ sở 12 Thành phố Hà Nội	0024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
25	00577		Xã Bát Tràng	Thuế cơ sở 12 thành phố Hà Nội	1140849	Xã Bát Tràng - Thuế cơ sở 12 Thành phố Hà Nội	0024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
26	00541		Xã Phù Đổng	Thuế cơ sở 12 thành phố Hà Nội	1140850	Xã Phù Đổng - Thuế cơ sở 12 Thành phố Hà Nội	0024	Phòng Giao dịch số 7 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
27	09832		Xã Hoài Đức	Thuế cơ sở 23 thành phố Hà Nội	1140851	Xã Hoài Đức - Thuế cơ sở 23 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
28	09856		Xã Dương Hòa	Thuế cơ sở 23 thành phố Hà Nội	1140852	Xã Dương Hòa - Thuế cơ sở 23 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
29	09871		Xã Sơn Đồng	Thuế cơ sở 23 thành phố Hà Nội	1140853	Xã Sơn Đồng - Thuế cơ sở 23 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
30	09877		Xã An Khánh	Thuế cơ sở 23 thành phố Hà Nội	1140854	Xã An Khánh - Thuế cơ sở 23 Thành phố Hà Nội	0035	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
31	00640		Xã Thanh Trì	Thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội	1140855	Xã Thanh Trì - Thuế cơ sở 14 Thành phố Hà Nội	0025	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
32	00664		Xã Đại Thanh	Thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội	1140856	Xã Đại Thanh - Thuế cơ sở 14 Thành phố Hà Nội	0025	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
33	00685		Xã Nam Phú	Thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội	1140857	Xã Nam Phú - Thuế cơ sở 14 Thành phố Hà Nội	0025	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
34	00679		Xã Ngọc Hồi	Thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội	1140858	Xã Ngọc Hồi - Thuế cơ sở 14 Thành phố Hà Nội	0025	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
35	00643		Phường Thanh Liệt	Thuế cơ sở 14 thành phố Hà Nội	1140859	Phường Thanh Liệt - Thuế cơ sở 14 Thành phố Hà Nội	0025	Phòng Giao dịch số 8 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
36	00376		Xã Sóc Sơn	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140860	Xã Sóc Sơn - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
37	00430		Xã Đa Phúc	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140861	Xã Đa Phúc - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
38	00433		Xã Nội Bài	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140862	Xã Nội Bài - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
39	00385		Xã Trung Giã	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140863	Xã Trung Giã - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
40	00382		Xã Kim Anh	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140864	Xã Kim Anh - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
41	09022		Xã Mê Linh	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140865	Xã Mê Linh - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
42	08980		Xã Yên Lãng	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140343	Xã Yên Lãng - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I
43	08995		Xã Tiên Thắng	Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	1140344	Xã Tiên Thắng - Thuế cơ sở 18 thành phố Hà Nội	0020	Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực I

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thống kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3296	32059		Xã Khánh An	Thuế cơ sở 5 tỉnh Cà Mau	1140093	Xã Khánh An - Thuế cơ sở 5 tỉnh Cà Mau	0962	Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
	96	Tỉnh Cà Mau		THUẾ TỈNH CÀ MAU	1056047	Thuế tỉnh Cà Mau 02		
3297	31918		Xã Vĩnh Mỹ	Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	1140094	Xã Vĩnh Mỹ - Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	0973	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3298	31927		Xã Vĩnh Hậu	Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	1140337	Xã Vĩnh Hậu - Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	0973	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3299	31891		Xã Hòa Bình	Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	1140338	Xã Hòa Bình - Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	0973	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3300	31900		Xã Vĩnh Lợi	Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	1140339	Xã Vĩnh Lợi - Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	0973	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3301	31906		Xã Hưng Hội	Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	1140340	Xã Hưng Hội - Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	0973	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3302	31894		Xã Châu Thới	Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	1140341	Xã Châu Thới - Thuế cơ sở 6 tỉnh Cà Mau	0973	Phòng Giao dịch số 17 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3303	31825		Phường Bạc Liêu	Thuế cơ sở 2 tỉnh Cà Mau	1140342	Phường Bạc Liêu - Thuế cơ sở 2 tỉnh Cà Mau	0972	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3304	31834		Phường Vĩnh Trạch	Thuế cơ sở 2 tỉnh Cà Mau	1139442	Phường Vĩnh Trạch - Thuế cơ sở 2 tỉnh Cà Mau	0972	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3305	31840		Phường Hiệp Thành	Thuế cơ sở 2 tỉnh Cà Mau	1139443	Phường Hiệp Thành - Thuế cơ sở 2 tỉnh Cà Mau	0972	Phòng Giao dịch số 16 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3306	31942		Phường Giá Rai	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139444	Phường Giá Rai - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3307	31951		Phường Láng Tròn	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139445	Phường Láng Tròn - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3308	31957		Xã Phong Thạnh	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139446	Xã Phong Thạnh - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3309	31972		Xã Gành Hào	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139447	Xã Gành Hào - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3310	31993		Xã Định Thành	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139448	Xã Định Thành - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3311	31988		Xã An Trạch	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139449	Xã An Trạch - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3312	31985		Xã Long Điền	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139450	Xã Long Điền - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3313	31975		Xã Đông Hải	Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	1139451	Xã Đông Hải - Thuế cơ sở 7 tỉnh Cà Mau	0974	Phòng Giao dịch số 18 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3314	31867		Xã Phước Long	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139452	Xã Phước Long - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3315	31876		Xã Vĩnh Phước	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139453	Xã Vĩnh Phước - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3316	31885		Xã Phong Hiệp	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139454	Xã Phong Hiệp - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3317	31882		Xã Vĩnh Thanh	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139455	Xã Vĩnh Thanh - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3318	31843		Xã Hồng Dân	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139456	Xã Hồng Dân - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX

Địa bàn hành chính nơi NNT phát sinh hoạt động SXKD				Tên cơ quan thuế	Cơ quan thu		KBNN	
STT	Mã Cục Thông kê	Tên tỉnh/thành phố	Tên xã/phường/đặc khu		Mã cơ quan thu	Tên cơ quan thu	Mã KBNN	Tên KBNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3319	31858		Xã Vĩnh Lộc	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139457	Xã Vĩnh Lộc - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3320	31864		Xã Ninh Thạnh Lợi	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139458	Xã Ninh Thạnh Lợi - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX
3321	31849		Xã Ninh Quới	Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	1139459	Xã Ninh Quới - Thuế cơ sở 8 tỉnh Cà Mau	0975	Phòng Giao dịch số 19 - Kho bạc Nhà nước khu vực XX

Lưu ý: Đối với thông tin địa bàn hành chính (ĐBHC) khi NNT thực hiện lập chứng từ nộp NSNN là thông tin ĐBHC nơi phát sinh khoản thu đến cấp xã/phường/đặc khu (trừ khoản thu của Nhà